

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

KHOA KINH TẾ

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SINH VIÊN**

**KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ
TIÊU THỤ TẠI CÔNG TY TNHH VINA APLUS**

Chủ nhiệm đề tài: NGUYỄN THỊ THU HIỀN

Lớp: D14KT

Ngành: KẾ TOÁN

NINH BÌNH, 2024

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ
KHOA KINH TẾ

BÁO CÁO KẾT QUẢ
THỰC HIỆN ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SINH VIÊN

KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ
TIÊU THỤ TẠI CÔNG TY TNHH VINA APLUS

Chủ nhiệm đề tài: NGUYỄN THỊ THU HIỀN

Các thành viên: HÀ THỊ KIM ANH, BÙI NHẬT

Lớp: D14KT

Người hướng dẫn khoa học: ThS. LÊ THỊ UYÊN

Xác nhận của GV hướng dẫn
(Họ, tên và chữ ký)

.....

Chủ nhiệm đề tài
(Họ, tên và chữ ký)

.....

NINH BÌNH, 2024

MỤC LỤC

DANH MỤC SƠ ĐỒ.....	i
DANH MỤC BẢNG	ii
DANH MỤC BIỂU	ii
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT.....	iii
MỞ ĐẦU	iv
Chương 1 - LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ TIÊU THỤ TẠI CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT..	1
1.1.Khái quát chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả tiêu thụ tại các doanh nghiệp sản xuất	1
1.1.1.Khái niệm về doanh thu, chi phí và xác định kết quả tiêu thụ trong các doanh nghiệp sản xuất.....	1
1.1.2.Yêu cầu quản lý kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả tiêu thụ trong các doanh nghiệp sản	1
1.1.3.Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả tiêu thụ trong các doanh nghiệp sản xuất	2
1.1.4.Nhiệm vụ và phân loại chi phí, doanh thu của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả tiêu thụ trong các doanh nghiệp sản xuất	3
1.2. Nội dung cơ bản của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả tiêu thụ trong các doanh nghiệp sản xuất	4
1.2.1. Kế toán doanh thu, thu nhập khác trong doanh nghiệp.....	4
1.2.2. Kế toán chi phí trong doanh nghiệp	9
Sơ đồ 1. 6 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.....	18
1.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh	18
Chương 2 - THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ TIÊU THỤ TẠI CÔNG TY	24
TNHH VINA APLUS	24
2.1. TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY TNHH VINA APLUS.....	24
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH VINA APLUS	24
2.1.2. Đặc điểm hoạt động kinh doanh Công ty TNHH VINA APLUS	25
2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán của Công ty	27
2.1.4. Chính sách kế toán áp dụng tại Công ty TNHH VINA APLUS.	29
2.1.5. Tình hình tài chính của Công ty: 3 năm gần đây	30

2.2. Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả tiêu thụ tại công ty TNHH VINA APLUS.....	32
2.2.1. Kế toán doanh thu tại công ty TNHH VINA APLUS.....	32
2.2.2. Kế toán chi phí tại công ty TNHH VINA APLUS.	46
2.2.3. Kế toán xác định kết quả tiêu thụ.....	65
Chương 3 - MỘT SỐ GIẢI PHÁP KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ TIÊU THỤ TẠI CÔNG TY TNHH VINA APLUS	73
3.1. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH VINA APLUS.....	73
3.1.1. Ưu điểm.....	73
3.1.2. Hạn chế.....	75
3.2. Một số giải pháp hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả tiêu thụ tại công ty TNHH VINA APLUS.....	76
3.2.1. Vận dụng phần mềm kế toán	76
3.2.3. Về kế toán các khoản chi phí	79
3.3. Kiến nghị giải pháp	79
3.3.1. Kiến nghị về phía nhà nước và cơ quan chức năng	79
3.3.2. Kiến nghị đối với Công ty TNHH VINA PLUS	81
KẾT LUẬN.....	83
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	84

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1. 1 Trình tự kế toán doanh thu.....	7
Sơ đồ 1. 2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	8
Sơ đồ 1. 3 Theo phương pháp kê khai thường xuyên	11
Sơ đồ 1. 4 Theo phương pháp kiểm kê định kỳ.....	16
Sơ đồ 1. 5 Trình tự kế toán chi phí bán hàng	17
Sơ đồ 1. 6 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.....	18
Sơ đồ 1. 7 Trình tự kế toán xác định kết quả kinh doanh	19
Sơ đồ 1. 8 Trình tự ghi sổ theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.....	20
Sơ đồ 1. 9 Trình tự ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung.....	21
Sơ đồ 1. 10 Trình tự ghi sổ theo hình thức Nhật ký – Sổ cái.....	22
Sơ đồ 1. 11 Trình tự ghi sổ theo hình thức Nhật ký – Chứng từ.....	23

DANH MỤC BẢNG

Bảng 2. 1 Tình hình kết quả tài chính của công ty từ 2021 - 2023	31
--	----

DANH MỤC BIỂU

Biểu số 2. 1 Đơn đặt hàng của công ty Jeail	36
Biểu số 2. 2 Đơn đặt hàng của công ty Deack Woo	37
Biểu số 2. 3 Hóa đơn giá trị gia tăng	38
Biểu số 2. 4 Hóa đơn giá trị gia tăng	39
Biểu số 2. 5 Sổ chi tiết bán Áo phông.....	40
Biểu số 2. 6 Sổ chi tiết bán quần gió.....	41
Biểu số 2. 7 Sổ nhật ký chung	42
Biểu số 2. 8 Bảng tổng hợp doanh thu.....	43
Biểu số 2. 9 Trích Sổ cái TK 511	44
Biểu số 2. 10 Phiếu xuất kho cho Jeail	48
Biểu số 2. 11 Phiếu xuất kho cho Deack Woo	49
Biểu số 2. 12 Sổ chi tiết giá vốn Áo phông.....	50
Biểu số 2. 13 Sổ chi tiết giá vốn quần gió.....	51
Biểu số 2. 14 Bảng tổng hợp giá vốn.....	52
Biểu số 2. 15 Sổ cái 632	53
Biểu số 2. 16 Hóa đơn GTGT.....	55
Biểu số 2. 17 Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội	56
Biểu số 2. 18 Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ	57
Biểu số 2. 19 Sổ chi tiết sản xuất, kinh doanh.....	58
Biểu số 2. 20 Sổ cái chi phí bán hàng.....	59
Biểu số 2. 21 Hóa đơn giá trị gia tăng.....	61
Biểu số 2. 22 Trích Phiếu chi	62
Biểu số 2. 23 Sổ cái Chi phí quản lý doanh nghiệp.....	63
Biểu số 2. 24 Nhật Ký Chung.....	64
Biểu số 2. 25 Phiếu kế toán số 21	66
Biểu số 2. 26 Phiếu kế toán số 22	67
Biểu số 2. 27 Phiếu kế toán 23	68
Biểu số 2. 28 Phiếu kế toán 24	69
Biểu số 2. 29 Phiếu kế toán	70
Biểu số 2. 30 Sổ Nhật Ký Chung.....	71
Biểu số 2. 31 Sổ cái Xác định kết quả kinh doanh	72

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

KQKD	Kết quả kinh doanh
GTGT	Giá trị gia tăng
TK	Tài khoản
TSCĐ	Tài sản cố định
BH & CCDV	Bán hàng và cung cấp dịch vụ
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
CPBH	Chi phí bán hàng
CPQLDN	Chi phí quản lý doanh nghiệp
CKTM	Chiết khấu thương mại
GGHB	Giảm giá hàng bán
HBBTL	Hàng bán bị trả lại
KC	Kết chuyển
DN	Doanh nghiệp
VL, CC	Vật liệu, công cụ
KHTSCĐ	Khấu hao tài sản cố định
SXKD	Sản xuất kinh doanh
DTT	Doanh thu thuần
HĐKD	Hoạt động kinh doanh
DT	Doanh thu
GVHB	Giá vốn hàng bán
SP	Sản phẩm

MỞ ĐẦU

1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay để kinh doanh đạt hiệu quả cao, có thể tồn tại và phát triển ngày càng vững chắc thì công tác kế toán phải luôn được củng cố và hoàn thiện để phù hợp với chế độ hiện hành. Cũng chính vì thế đã có rất nhiều công trình nghiên cứu về công tác kế toán nói chung cũng như kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả tiêu thụ nói riêng. Có thể điểm qua một số tác giả với một số đề tài cơ bản như sau:

Tác giả Vũ Thị Thương (2020) – Trường đại học Hoa Lư với đề tài: *“Thực trạng và giải pháp hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại công ty TNHH Tân Hoàng Hải NB”* đã đánh giá thực trạng kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng của công ty từ đó đưa ra một số giải pháp và điều kiện thực hiện giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nói chung và công tác kế toán bán hàng và xác định bán hàng nói riêng tại Công ty.

Tác giả Lã Hữu Đức (2021) – Trường đại học Hoa Lư với đề tài: *“Thực trạng kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại công ty TNHH TM&DV Đại Phát”* đã nghiên cứu thực trạng kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại công ty trên cơ sở lý luận chung từ đó đưa ra giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty.

Tác giả Vũ Thị Hằng (2022) – Trường đại học Hoa Lư với đề tài: *“Hoàn thiện kế toán quản trị chi phí, doanh thu và xác định kết quả bán hàng tại công ty TNHH TM&DV Đại Phát”* đã đánh giá thực tế tình hình kế toán quản trị chi phí, doanh thu và xác định kết quả bán hàng của công ty, từ đó đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tổng hợp và kế toán quản trị chi phí, doanh thu của công ty cũng như xác định kết quả bán hàng và điều kiện thực hiện các giải pháp.

Trong thời gian nghiên cứu tại Công ty TNHH VINA APLUS, nhóm tác giả nhận thấy nhìn chung công tác kế toán của công ty được tổ chức chặt chẽ, hiệu quả song vẫn tồn tại nhiều mặt hạn chế về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả tiêu thụ. Tuy nhiên chưa có đề tài nào nghiên cứu về kế toán

doanh thu, chi phí và xác định kết quả tiêu thụ tại Công ty. Vì vậy, nhóm tác giả lựa chọn đề tài: “*Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả tiêu thụ tại Công ty TNHH VINA APLUS*”. Với mục đích cố gắng nghiên cứu thực trạng của Công ty để từ đó đánh giá được ưu điểm, nhược điểm của Công ty và đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả tiêu thụ cho Công ty.

2. Tính cấp thiết của đề tài

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay để kinh doanh đạt hiệu quả cao, có thể tồn tại và phát triển ngày càng vững chắc thì công tác kế toán phải luôn được củng cố và hoàn thiện để phù hợp với chế độ hiện hành. Các doanh nghiệp không ngừng gia tăng sức cạnh tranh trên thị trường với hoạt động kinh doanh ngày càng sôi động, phong phú và ngày càng đóng vai trò hết sức quan trọng đến sự phát triển của nền kinh tế của đất nước ta. Vì vậy, để ngày càng phát huy vai trò cũng như tạo nên sức mạnh trong việc đầu tư và phát triển, các doanh nghiệp cần phải tìm cho mình những chiến lược kinh doanh phù hợp và hiệu quả. Tối đa hóa lợi nhuận chính là mục tiêu quan trọng của các doanh nghiệp. Để đạt được mục tiêu đó các doanh nghiệp phải hoàn thiện và đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó cần phải quan tâm sâu sắc đến quá trình tiêu thụ sản phẩm - một khâu quan trọng cho biết những mục tiêu lợi nhuận mà doanh nghiệp đã đạt được trong một chu kỳ kinh doanh.

Mỗi doanh nghiệp không những phải tự lực vươn lên trong quá trình sản xuất kinh doanh mà phải biết phát huy tiềm năng của mình để đạt được hiệu quả kinh tế cao nhất. Do đó việc tổ chức và quản lý hạch toán kế toán phục vụ nhu cầu nắm bắt, thu thập và xử lý các thông tin để đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh là yêu cầu tất yếu, giúp các đơn vị kinh tế thấy được quy mô, cách thức kinh doanh cũng như khả năng phát triển hay suy thoái của doanh nghiệp, từ đó đưa ra các quyết định đúng đắn và kịp thời trong tương lai. Đứng trước tình hình đó, Công ty TNHH VINA APLUS bên cạnh việc tìm ra các biện pháp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh

thì việc tổ chức, quản lý hạch toán kế toán cũng là một yêu cầu tất yếu, góp phần quan trọng vào việc quản lý sản xuất kinh doanh và đưa ra những quyết định kinh tế đúng đắn. Công ty TNHH VINA APLUS là công ty xuất nhập khẩu hàng may mặc trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, công ty luôn luôn hướng tới mục tiêu chung tay xây dựng và phát huy tối đa thương hiệu doanh nghiệp Việt. Đem đến cho quý khách hàng những sản phẩm chất lượng tốt, dịch vụ hoàn hảo, thời gian nhanh chóng với giá thành hợp lý. Tạo lập một môi trường làm việc mang lại hiệu quả cao nhất nhằm phát huy toàn diện tiềm năng của từng cán bộ công nhân viên. Đặc biệt những thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả tiêu thụ chiếm vai trò quan trọng trong thông tin kế toán, luôn được lãnh đạo doanh nghiệp, nhà cung cấp, các nhà đầu tư quan tâm.

Việc hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả tiêu thụ của công ty trong thời gian qua luôn được thực hiện tốt, giúp công ty giảm đáng kể các chi phí và tối đa hóa lợi nhuận. Tuy nhiên bên cạnh đó kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả tiêu thụ của công ty vẫn còn những mặt hạn chế cần khắc phục. Tại công ty việc xác định và hạch toán một số nội dung chi phí chưa đúng với quy định dẫn đến các thông tin về chi phí thiếu chính xác, làm ảnh hưởng đến việc xác định kết quả tiêu thụ. Việc nhận diện, xác định nội dung, phạm vi các khoản chi phí, doanh thu tại các công ty ấy chưa đảm bảo tính hợp lý, thống nhất. Có nhiều khoản chi phí, doanh thu chưa được phân loại đúng nội dung và phạm vi.

Nhận thức được tầm quan trọng của kế toán doanh thu và chi phí, sau một thời gian nghiên cứu và tìm hiểu công tác kế toán tại công ty TNHH VINA APLUS nhóm tác giả đã quyết định chọn đề tài “Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả tiêu thụ tại Công ty TNHH VINA APLUS” làm đề tài nghiên cứu khoa học của mình.

3. Mục tiêu nghiên cứu

Thông qua việc nghiên cứu đề tài “Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả tiêu thụ tại công ty TNHH VINA APLUS” sẽ hệ thống và làm rõ

được các vấn đề lý luận cơ bản về đề tài nghiên cứu, mô tả được thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả tiêu thụ tại công ty TNHH VINA APLUS. Từ đó sẽ thấy được những thành tựu cũng như một số tồn tại trong công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả tiêu thụ của công ty. Dựa vào đó, kiến nghị, đề xuất những biện pháp giúp công ty khắc phục được những tồn tại để đảm bảo kinh doanh ngày càng có hiệu quả hơn.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả tiêu thụ tại công ty TNHH VINA APLUS.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Phạm vi về không gian:* Công ty TNHH VINA APLUS.
- *Phạm vi về thời gian:* Nghiên cứu trong phạm vi các tài liệu về tình hình tài chính và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả tiêu thụ của Công ty trong năm 2021, 2022, 2023, 2024.
- *Phạm vi nội dung:* Phân hành kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả tiêu thụ tại công ty TNHH VINA APLUS.

5. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Cách tiếp cận

Lý thuyết – Thực trạng – Giải pháp

5.2. Phương pháp nghiên cứu

- *Phương pháp quan sát:* Thực hiện quan sát các hoạt động của của doanh nghiệp, bộ máy kế toán và công việc của các nhân viên trong Công ty, đặc biệt là nhân viên phân hành kế toán doanh thu, chi phí .
- *Phương pháp phỏng vấn trực tiếp:* Trực tiếp gặp gỡ, trao đổi với các kế toán, bộ phận có liên quan tại Công ty.
- *Phương pháp thu thập số liệu:* Phương pháp này căn cứ vào những chứng từ thực tế phát sinh nghiệp vụ kinh tế đã được kế toán tập hợp vào sổ sách và kiểm tra tính chính xác, phù hợp, đầy đủ của các chứng từ.
- *Phương pháp phân tích:* Phương pháp này áp dụng việc tính toán, so sánh số liệu các phương pháp nêu trên để phân tích sự khác biệt giữa lý luận và thực tiễn từ đó rút ra kết luận thích hợp.
- *Phương pháp thực nghiệm:* Thực tập kế toán phân hành kế toán doanh thu và chi phí tại Công ty.

Chương 1 - LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ TIÊU THỤ TẠI CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT

1.1. Khái quát chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả tiêu thụ tại các doanh nghiệp sản xuất

1.1.1. Khái niệm về doanh thu, chi phí và xác định kết quả tiêu thụ trong các doanh nghiệp sản xuất

Doanh thu là tổng các giá trị kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Chi phí được nhìn nhận như những khoản phí tổn phát sinh gắn liền với hoạt động của doanh nghiệp để đạt được một sản phẩm, lao vụ, dịch vụ nhất định. Chi phí được xác định bằng tiền của những hao phí về lao động sống, lao động vật hóa... trên cơ sở chứng từ, tài liệu bằng chứng chắc chắn.

Kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, biểu hiện bằng số tiền lãi hay lỗ.

Khi một quá trình kinh doanh hoàn thành, doanh nghiệp xác định kết quả kinh doanh trên cơ sở so sánh tổng doanh thu và tổng chi phí phát sinh trong quá trình kinh doanh. Kết quả kinh doanh có thể lãi hoặc lỗ; nếu lỗ sẽ được bù đắp theo chế độ và quy định của cấp có thẩm quyền; nếu lãi được phân phối sử dụng theo đúng mục đích phù hợp với cơ chế tài chính quy định cho từng loại doanh nghiệp.

1.1.2. Yêu cầu quản lý kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả tiêu thụ trong các doanh nghiệp sản xuất

Trong điều hành và quản lý kinh doanh của doanh nghiệp và phục vụ cho các nhu cầu khác của đối tượng ngoài doanh nghiệp để thông tin kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là công cụ tốt thì quản lý công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Phải xác định đúng đắn, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, chi phí và

xác định kết quả kinh doanh nhằm cung cấp thông tin chính xác đầy đủ cho các nhà quản trị. Việc xác định kịp thời, đúng đắn, chính xác các khoản doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ đáp ứng sự sống còn của doanh nghiệp.

- Phải quản lý doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo từng hoạt động, từng bộ phận kinh doanh của doanh nghiệp, theo dõi chính xác sẽ xác định được những hoạt động kinh doanh đem lại hiệu quả thấp cũng như những hoạt động kinh doanh đem lại lợi nhuận cao. Từ đó có những phương án thúc đẩy những hoạt động kinh doanh đem lại hiệu quả cao, khắc phục hoặc thay đổi phương án kinh doanh đem lại hiệu quả thấp.
- Tìm hiểu, khai thác và mở rộng thị trường nhằm không ngừng tăng doanh thu, giảm giá vốn hàng bán.
- Quản lý chặt chẽ chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí hoạt động tài chính và các chi phí khác phát sinh trong quá trình kinh doanh nhằm tối đa hóa lợi nhuận.

1.1.3. Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả tiêu thụ trong các doanh nghiệp sản xuất

Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là công cụ quan trọng trong quản lý và điều hành có hiệu quả các hoạt động của doanh nghiệp trong quá trình kinh doanh.

Nhờ vào các thông tin kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh mà các nhà quản trị doanh nghiệp nắm được tình hình thực hiện kế doanh thu của doanh nghiệp về loại hình, số lượng, chất lượng, giá cả, thời hạn thanh toán, kiểm tra tình hình thực hiện các dự toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí hoạt động tài chính và chi phí khác và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Trên cơ sở đó đưa ra những biện pháp định hướng cho hoạt động kinh doanh kỳ tiếp theo, hoàn thiện hoạt động kinh doanh, hoạt động quản lý, tiết kiệm chi phí, tăng doanh thu.

Thêm vào đó, thông tin kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cung cấp giúp cơ quan của Nhà nước kiểm tra, giám sát tình hình

thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước, từ đó đưa ra các chính sách thích hợp nhằm phát triển toàn diện nền kinh tế quốc dân.

Thông tin kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cung cấp là mối quan tâm của những người có lợi ích trực tiếp liên quan đến tình hình kinh doanh của doanh nghiệp như các nhà đầu tư, nhà cung cấp, các chủ nợ,... Là cơ sở để nắm bắt được tình hình kinh doanh của doanh nghiệp, kịp thời đưa ra các quyết định kinh doanh có lợi nhất cho mình.

Những phân tích trên cho thấy kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có vai trò hết sức quan trọng trong việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin cho các đối tượng có nhu cầu sử dụng thông tin, giúp các đối tượng này đưa ra các quyết định kinh doanh một cách phù hợp và kịp thời.

Do đó, việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh một cách khoa học và hợp lý là vô cùng cần thiết và có ý nghĩa lớn trong việc thực hiện cung cấp thông tin kinh tế kịp thời, chính xác, góp phần phát huy đầy đủ vai trò của hạch toán kế toán nói chung trong quản lý kinh tế tài chính ở doanh nghiệp.

1.1.4. Nhiệm vụ và phân loại chi phí, doanh thu của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả tiêu thụ trong các doanh nghiệp sản xuất

Đối với các doanh nghiệp việc ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng và xác định kết quả kinh doanh là vấn đề quan trọng đối với doanh nghiệp. Qua việc hạch toán doanh thu và xác định KQKD, doanh nghiệp có thể theo dõi một cách chính xác, đầy đủ hiệu quả của quá trình hoạt động để từ đó đưa ra các quyết định kinh tế kịp thời nhằm đảm bảo sự tồn tại, phát triển ổn định cho doanh nghiệp.

Đối với nền kinh tế nói chung, việc xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là căn cứ để tạo ra nguồn thu cho Ngân sách Nhà nước. Mặt khác, hiện nay, việc thu hút vốn đầu tư qua thị trường chứng khoán là phổ biến thì việc xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp lại càng trở nên quan trọng bởi vì kết quả kinh doanh quyết định một phần lớn mức độ thu hút vốn đầu tư từ các chủ thể trong nền kinh tế.

Vì những lý do trên kế toán doanh nghiệp cần xác định vai trò và nhiệm vụ trong kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh như sau:

Nhiệm vụ của kế toán doanh thu

- Tính toán và ghi chép đầy đủ, chính xác, kịp thời khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nhằm quản lý chặt chẽ các khoản doanh thu và giảm trừ doanh thu.
- Phải mở sổ chi tiết theo dõi từng khoản doanh thu theo yêu cầu của từng đơn vị.
- Vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách và báo cáo kế toán phù hợp để thu nhận, xử lý, hệ thống hóa và cung cấp thông tin về tình hình hiện có. Đồng thời theo dõi thanh toán chi tiết với từng khách hàng và ngân sách nhà nước về các khoản thuế, phí, lệ phí các sản phẩm hàng hóa bán ra.

Nhiệm vụ của kế toán chi phí

- Vận dụng các phương pháp kế toán phù hợp căn cứ vào thực tế quy trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp để xác định chính xác giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý và các chi phí khác nhằm xác định đúng đắn kết quả của hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Ghi chép đầy đủ các khoản mục chi phí phát sinh trong quá trình SXKD; tiến hành tập hợp và phân bổ chi phí hợp lý

Nhiệm vụ của kế toán xác định kết quả kinh doanh

- Xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong từng lĩnh vực hoạt động kinh doanh trong từng thời kỳ. Hạch toán chính xác, kịp thời KQKD nhằm cung cấp các thông tin
- Phân tích và đánh giá tình hình xây dựng các công trình, tình hình tài chính tại doanh nghiệp.

1.2. Nội dung cơ bản của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả tiêu thụ trong các doanh nghiệp sản xuất

1.2.1. Kế toán doanh thu, thu nhập khác trong doanh nghiệp

1.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Khái niệm

Doanh thu chỉ bao gồm tổng giá trị của các lợi ích kinh tế doanh nghiệp

đã thu được hoặc sẽ thu được. Các khoản thu hộ bên thứ ba không phải là nguồn lợi ích kinh tế, không làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp sẽ không được coi là doanh thu

Xác định doanh thu:

- Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được.
- Doanh thu phát sinh từ giao dịch được xác định bởi thỏa thuận giữa doanh nghiệp với bên mua hoặc bên sử dụng tài sản. Nó được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu được hoặc sẽ thu được sau khi trừ (-) các khoản chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán, giảm giá hàng bán và giá trị hàng bán bị trả lại.
- Đối với các khoản tiền hoặc tương đương tiền không được nhận ngay thì doanh thu được xác định bằng cách quy đổi giá trị danh nghĩa của các khoản sẽ thu được trong tương lai về giá trị thực tế tại thời điểm ghi nhận doanh thu theo tỷ lệ lãi suất hiện hành. Giá trị thực tế tại thời điểm ghi nhận doanh thu có thể nhỏ hơn giá trị danh nghĩa sẽ thu được trong tương lai.
- Khi hàng hóa hoặc dịch vụ được trao đổi để lấy hàng hóa hoặc dịch vụ tương tự về bản chất và giá trị thì việc trao đổi đó không được coi là một giao dịch tạo ra doanh thu.
- Khi hàng hóa hoặc dịch vụ được trao đổi để lấy hàng hóa hoặc dịch vụ khác không tương tự thì việc trao đổi đó được coi là một giao dịch tạo ra doanh thu. Trường hợp này doanh thu được xác định bằng giá trị hợp lý của hàng hóa hoặc dịch vụ nhận về, sau khi điều chỉnh các khoản tiền hoặc tương đương tiền trả thêm hoặc thu thêm.

Khi không xác định được giá trị hợp lý của hàng hóa hoặc dịch vụ nhận về thì doanh thu được xác định bằng giá trị hợp lý của hàng hóa hoặc dịch vụ đem trao đổi, sau khi điều chỉnh các khoản tiền hoặc tương đương tiền trả thêm hoặc thu thêm.

Thời điểm ghi nhận doanh thu: Doanh thu được ghi nhận chỉ khi doanh nghiệp được đảm bảo nhận lợi ích kinh tế từ giao dịch.

Điều kiện ghi nhận doanh thu

Theo chuẩn mực kế toán số 14, Doanh thu được ghi nhận khi:

Đối với doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Chứng từ sử dụng.

Các loại chứng từ được Công ty sử dụng trong việc bán hàng bao gồm:

- Hợp đồng, cam kết mua bán giữa hai bên.
- Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng thông thường kiêm phiếu xuất kho,

- Bảng kê bán lẻ hàng hóa
- Phiếu xuất kho...
- Chứng từ kế toán liên quan khác : Phiếu nhập kho hàng trả lại.
- Các chứng từ thanh toán : Phiếu thu, giấy báo có, Séc, Ủy nhiệm thu, bảng sao kê của Ngân hàng....

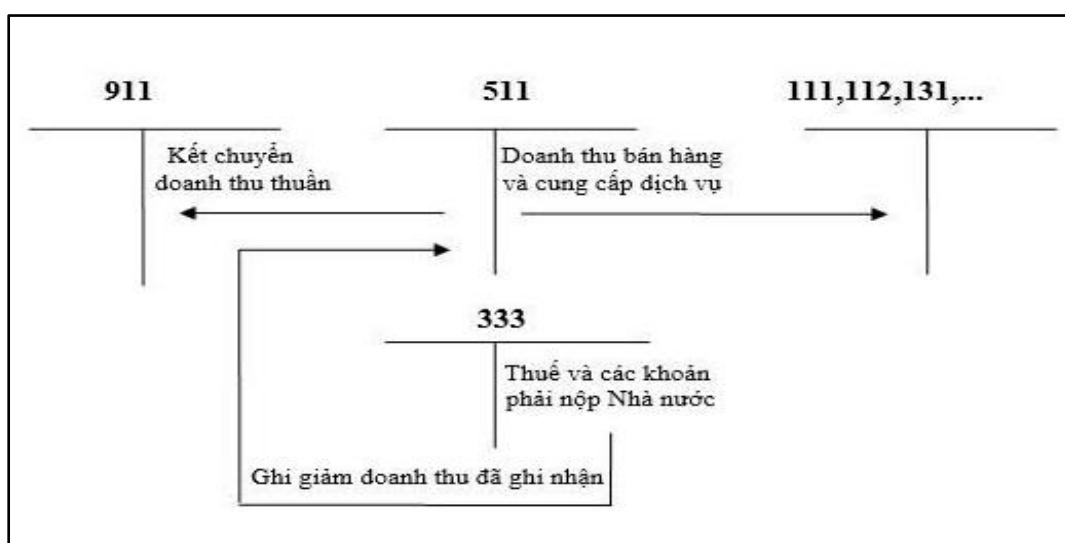
Tài khoản sử dụng

- Tài khoản sử dụng TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. TK này phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong 1 kỳ hạch toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.
- TK 511 không có số dư cuối kỳ.
- TK 511 gồm các tài khoản cấp 2:
 - + TK 5111- Doanh thu bán hàng hóa
 - + TK 5112- Doanh thu bán các thành phẩm
 - + TK 5113- Doanh thu cung cấp dịch vụ
 - + TK 5118- Doanh thu khác

Trình tự kế toán doanh thu

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, kế toán phải lập hóa đơn GTGT gửi cho khách hàng và phản ánh doanh thu và nợ phải thu trong kỳ tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Trình tự hạch toán doanh thu khi doanh nghiệp được thanh toán được thể hiện qua:



Sơ đồ 1. 1 Trình tự kế toán doanh thu

1.2.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu trong doanh nghiệp

Khái niệm

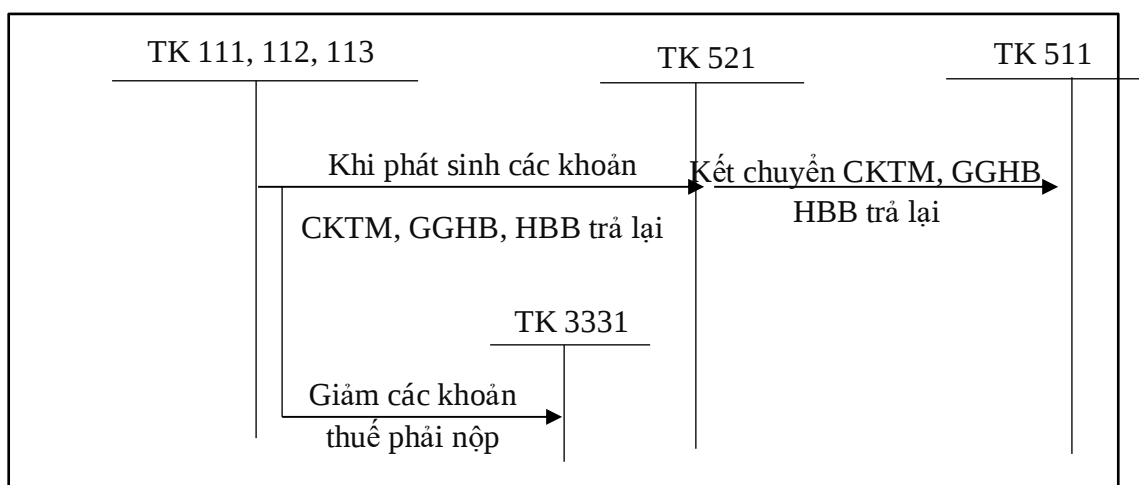
- Chiết khấu thương mại là khoản chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá niêm yết doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua do đã mua với số lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc cam kết mua, bán hàng.
- Hàng bán bị trả lại là số hàng bán doanh nghiệp đã xác định tiêu thụ, đã ghi nhận doanh thu nhưng bị khách hàng trả lại do vi phạm các điều cam kết trong hợp đồng kinh tế hoặc theo chính sách bảo hành, như hàng kém phẩm chất, sai quy cách, chủng loại.
- Giảm giá hàng bán là khoản tiền doanh nghiệp giảm trừ cho khách hàng trong trường hợp đặc biệt vì lý do sản phẩm không đúng quy cách, chất lượng đã ghi trong hợp đồng.

Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT, các chứng từ thanh toán (phiếu thu, séc chuyển khoản, ủy nhiệm chi, bảng sao kê ngân hàng,..), biên bản giảm giá hàng bán
- Các chứng từ kế toán liên quan khác: hợp đồng chiết khấu, bảng tính chiết khấu, biên bản hàng hóa trả lại, hóa đơn hàng bán trả lại do bên khách hàng lập

Tài khoản sử dụng: TK 521: Các khoản giảm trừ doanh thu

Trình tự kế toán:



Sơ đồ 1. 1 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.2. Kế toán chi phí trong doanh nghiệp

1.2.2.1. Chi phí và các loại chi phí trong doanh nghiệp

Theo chuẩn mực kế toán số 01:

Chi phí: Là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu.

Chi phí bao gồm các chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp và các chi phí khác.

Chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, như: giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí lãi tiền vay, và những chi phí liên quan đến hoạt động cho các bên khác sử dụng tài sản sinh ra lợi tức, tiền bản quyền, ... Những chi phí này phát sinh dưới dạng tiền và các khoản tương đương tiền, hàng tồn kho, khấu hao máy móc, thiết bị.

Chi phí khác bao gồm các chi phí ngoài các chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, như: chi phí về thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, các khoản tiền bị khách hàng phạt do vi phạm hợp đồng,...

Điều kiện ghi nhận chi phí:

- Chi phí sản xuất, kinh doanh và chi phí khác được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi các khoản chi phí này làm giảm bớt lợi ích kinh tế trong tương lai có liên quan đến việc giảm bớt tài sản hoặc tăng nợ phải trả và chi phí này phải xác định được một cách đáng tin cậy.
- Các chi phí được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phải tuân thủ nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.
- Khi lợi ích kinh tế dự kiến thu được trong nhiều kỳ kế toán có liên quan đến doanh thu và thu nhập khác được xác định một cách gián tiếp thì các chi phí liên quan được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở phân bổ theo hệ thống hoặc theo tỷ lệ.

- Một khoản chi phí được ghi nhận ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

1.2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán

Khái niệm giá vốn hàng bán:

Giá vốn hàng bán là giá trị vốn của hàng bán đã tiêu thụ trong một khoảng thời gian cụ thể (trong một kỳ). Giá vốn hàng bán bao gồm tất cả các chi phí liên quan đến quá trình tạo ra sản phẩm.

Đối với từng loại hình doanh nghiệp khác nhau thì sẽ có những cách định nghĩa về giá vốn khác nhau:

Với các doanh nghiệp thương mại (nghĩa là nhập sản phẩm sẵn có về bán), thì giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của hàng hóa bán ra trong kỳ, tổng tất cả các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh (từ lúc mua hàng đến lúc hàng hóa có mặt tại kho của doanh nghiệp, bao gồm: Giá nhập hàng hóa từ các nhà cung cấp, chi phí vận chuyển hàng hóa về kho, thuế, bảo hiểm hàng hóa,...)

Với các doanh nghiệp sản xuất (các doanh nghiệp trực tiếp sản xuất ra sản phẩm), thì các chi phí cấu thành nên giá vốn sẽ nhiều hơn các doanh nghiệp thương mại do có thêm chi phí nguyên liệu đầu vào để sản xuất sản phẩm.

Phương pháp tính giá vốn:

Giá vốn thực tế xuất kho của hàng hóa được tính theo một trong các phương pháp: Giá thực tế đích danh, giá bình quân sau mỗi lần nhập, giá bình quân cả kỳ dự trữ, giá nhập trước xuất trước hoặc hệ số giá...

**Phương pháp giá đơn vị bình quân*

Theo phương pháp này, giá gốc hàng hoá xuất trong thời kì được tính theo giá đơn vị bình quân (bình quân cả kỳ dự trữ, bình quân cuối kỳ trước, bình quân mỗi lần nhập).

**Phương pháp nhập trước- xuất trước (FIFO)*

Theo phương pháp này giả thiết rằng hàng hoá nào nhập trước thì xuất trước, xuất hết số nhập trước rồi mới đến số nhập sau theo giá thực tế của

từng số hàng xuất.

Nói cách khác, cơ sở của phương pháp này là giá gốc của hàng hoá mua trước sẽ được dùng làm giá để tính giá hàng hoá xuất trước. Do vậy, giá trị hàng hoá tồn kho cuối kỳ sẽ là giá thực tế của hàng hoá mua vào sau cùng. Phương pháp này thích hợp trong trường hợp giá cả ổn định hoặc có xu hướng giảm

**Phương pháp giá thực tế đích danh*

Theo phương pháp này, hàng hoá được xác định giá trị theo đơn chiếc hay từng lô và giữ nguyên từ lúc nhập kho cho đến lúc xuất dùng. Khi xuất hàng hoá sẽ tính theo giá gốc. Phương pháp này thường sử dụng với các loại hàng hoá có giá trị cao và có tính tách biệt.

Chứng từ sử dụng:

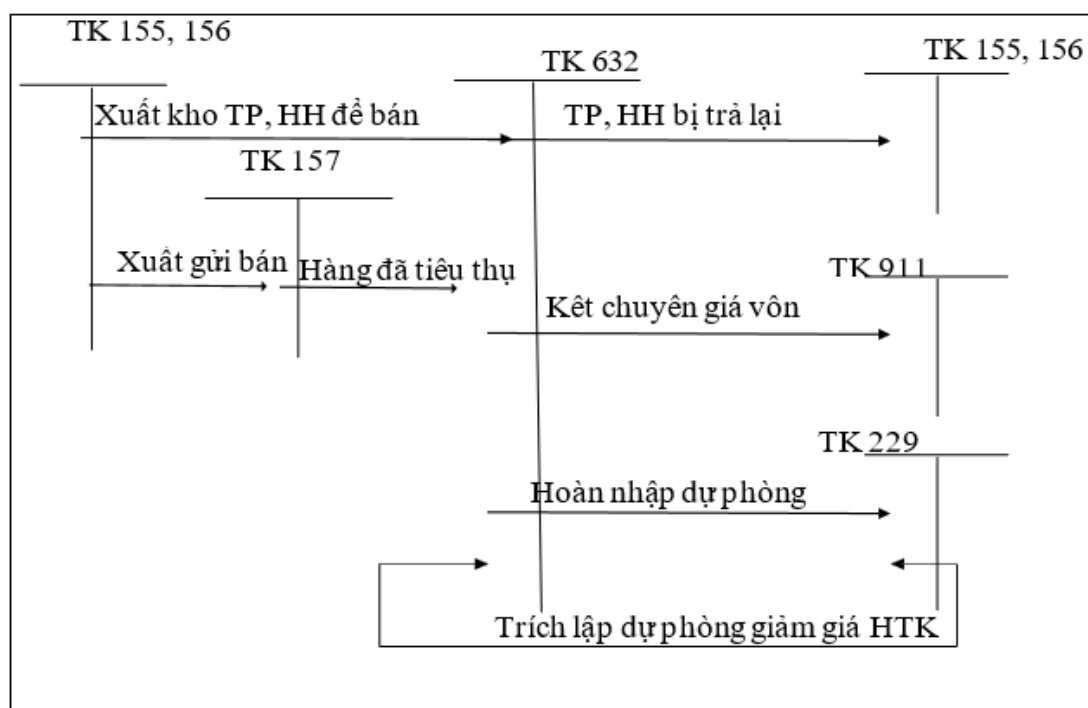
- Phiếu xuất kho (Mẫu số 02-VT)
- Và các chứng từ liên quan khác để xác định được giá vốn như : Hóa đơn vận chuyển, phiếu nhập kho...

Tài khoản sử dụng: 632 – Giá vốn hàng bán. Kết cấu TK này như sau:

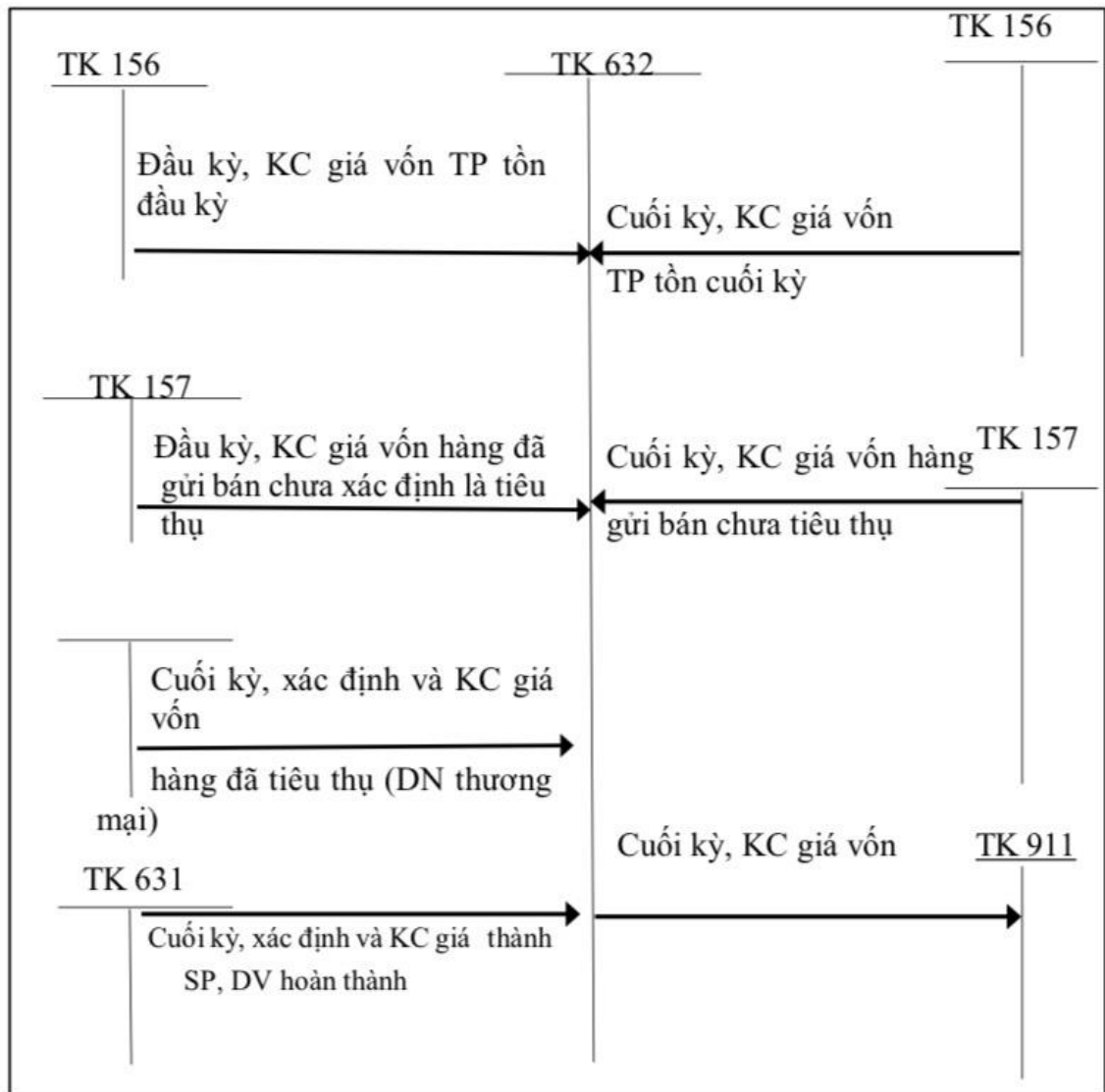
Bên Nợ: Trị giá vốn của hàng hoá, lao vụ, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ

Bên Có: Kết chuyển giá vốn hàng tiêu thụ trong kỳ vào tài khoản xác định kết quả TK 632 không có số dư cuối kỳ.

Trình tự hạch toán:



Sơ đồ 1. 2 Theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1. 3 Theo phương pháp kiểm kê định kỳ

1.2.2.3. Kế toán chi phí bán hàng

Khái niệm:

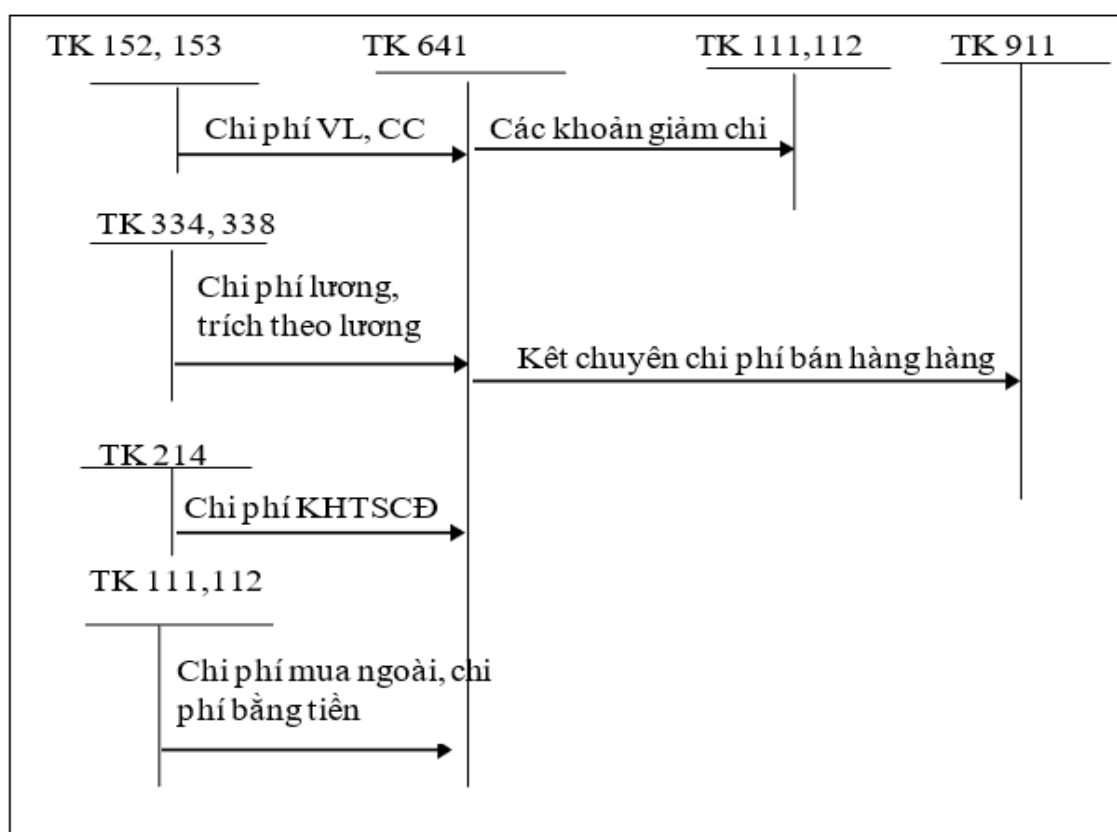
Chi phí bán hàng là toàn bộ chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

Chi phí bán hàng bao gồm các yếu tố: Chi phí nhân viên bán hàng, chi phí vật liệu bao bì, chi phí dụng cụ, đồ dùng, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí bảo hành sản phẩm, chi phí bằng tiền khác

Tài khoản sử dụng: TK 641 – Chi phí bán hàng

TK 641 không có số dư

Trình tự kế toán:



Sơ đồ 1. 4 Trình tự kế toán chi phí bán hàng

1.2.2.4. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Khái niệm:

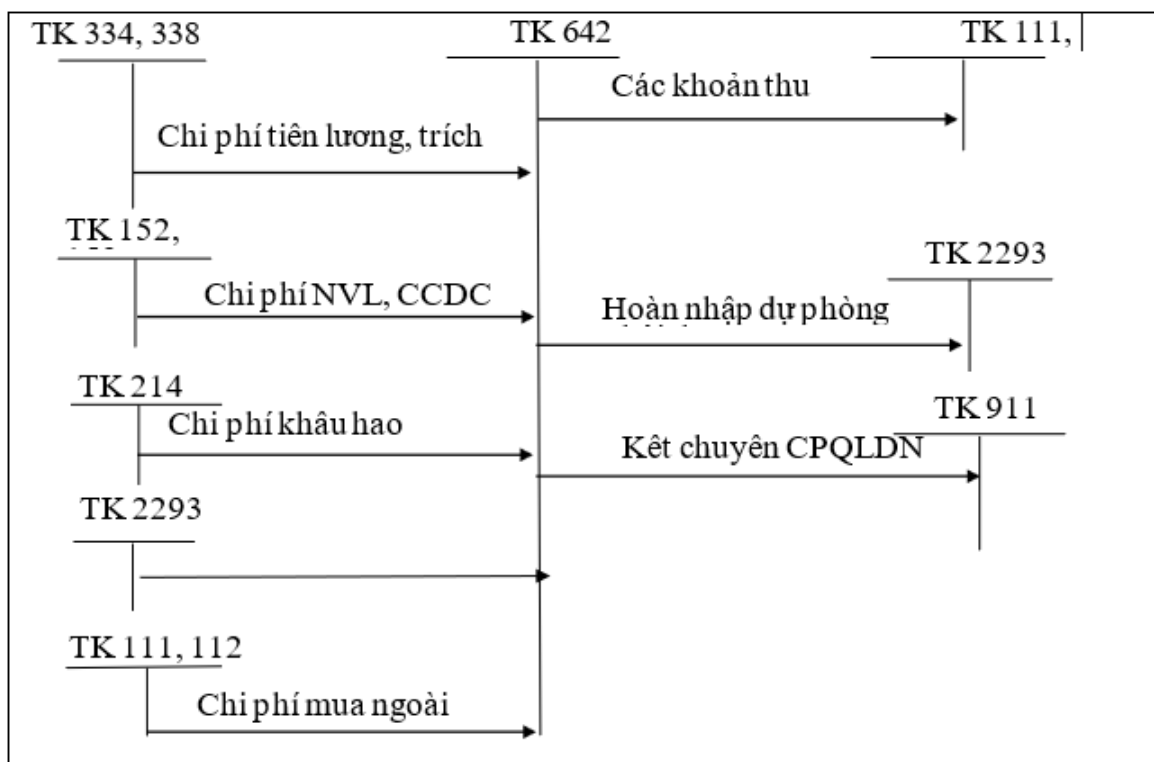
Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý sản xuất kinh doanh, quản lý hành chính và một số khoản khác có tính chất chung toàn doanh nghiệp.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các yếu tố: Chi phí nhân viên quản lý, chi phí vật liệu quản lý, chi phí đồ dùng văn phòng, chi phí khấu hao TSCĐ, thuế, phí và lệ phí, chi phí dự phòng, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

Tài khoản kế toán: Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ

Trình tự kế toán:



Sơ đồ 1.5 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

Khái niệm kế toán xác định kết quả kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định biểu hiện bằng số tiền lãi hay lỗ. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh thông thường và kết quả hoạt động khác

Kết quả hoạt động kinh doanh thông thường là kết quả từ những hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp, đây là hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ và hoạt động tài chính.

Kết quả hoạt động khác là kết quả được tính bằng số chênh lệch giữa thu nhập thuần khác và chi phí khác.

Phương pháp kế toán, tài khoản sử dụng và chứng từ kế toán

Phương pháp xác định kết quả kinh doanh

Công thức xác định kết quả kinh doanh:

Kết quả kinh doanh trước thuế = DTT từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ – Giá vốn hàng xuất bán + Doanh thu hoạt động tài chính – Chi phí hoạt động tài chính – CPBH – CPQLDN + Thu nhập khác – Chi phí khác

Kết quả kinh doanh sau thuế = Kết quả kinh doanh trước thuế - Chi phí thuế TNDN

Chứng từ, sổ sách sử dụng:

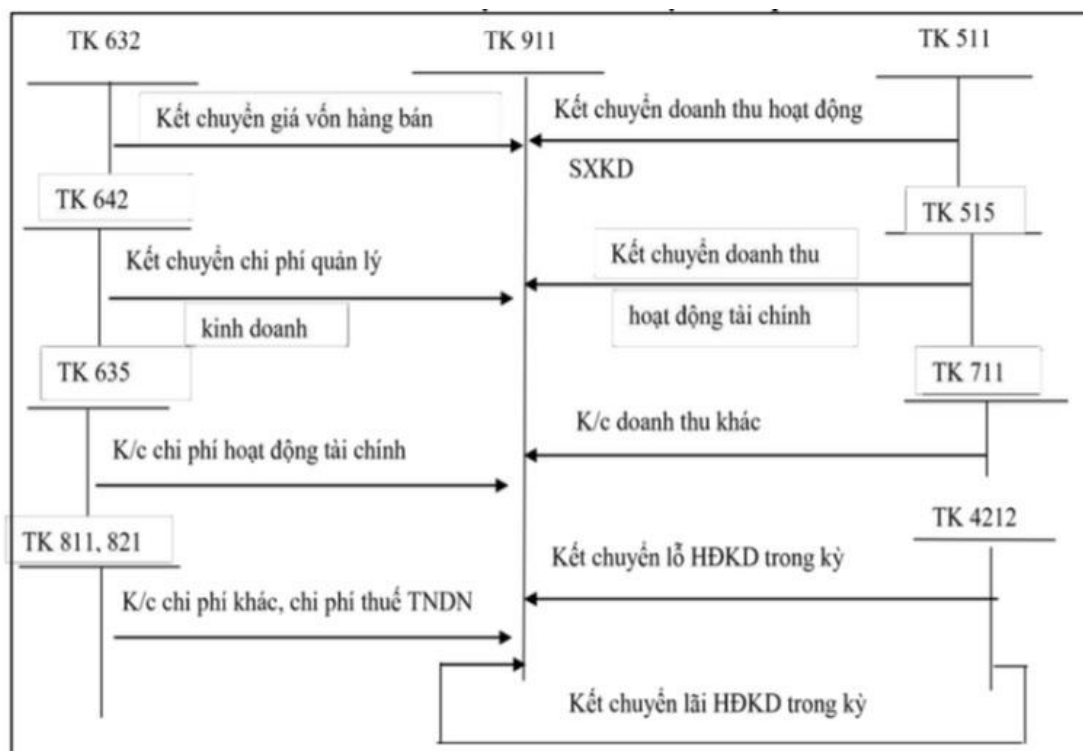
- Phiếu kế toán
- Sổ cái TK 511, 515, 711, 632, 642, 635, 811
- Các sổ chi tiết liên quan

Tài khoản sử dụng

TK 911 – Xác định KQKD

TK 421 – Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Trình tự kế toán xác định kết quả kinh doanh:

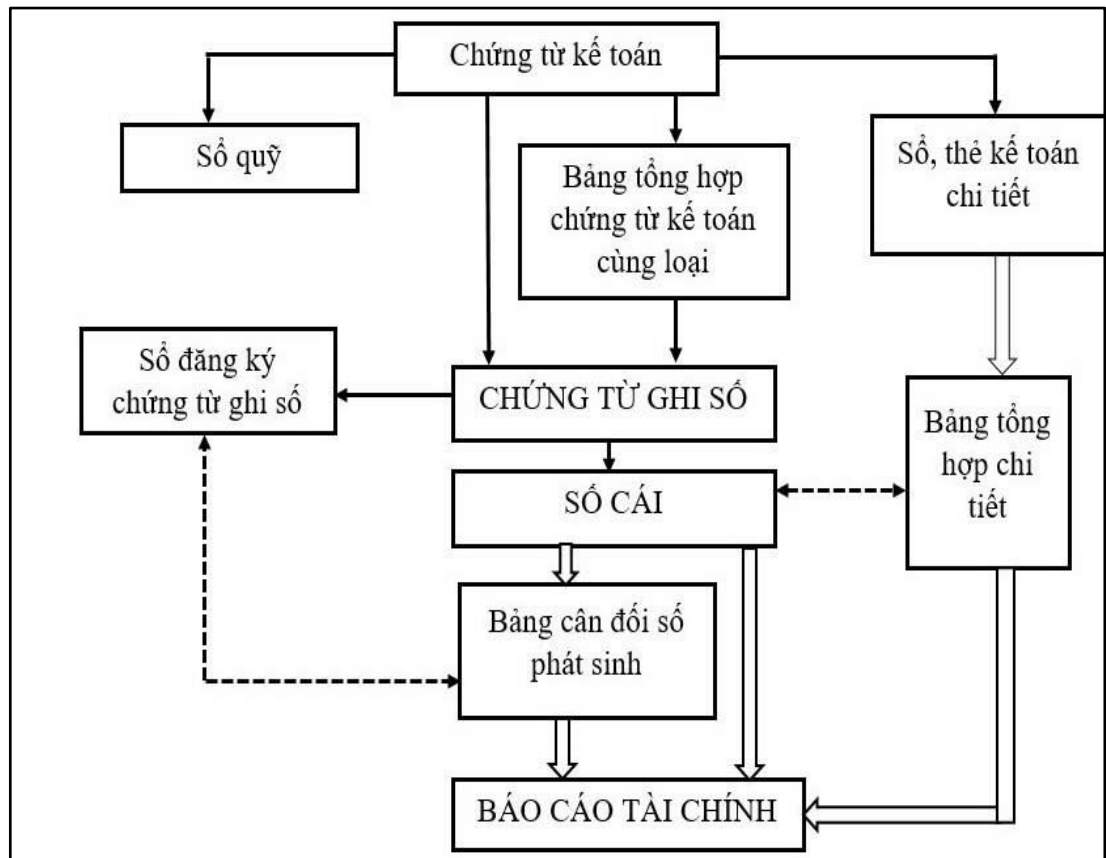


Sơ đồ 1. 6 Trình tự kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.3. Các hình thức sổ kế toán

1.3.1. Hình thức Chứng từ ghi sổ

Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, Sổ cái TK 511, Sổ cái TK 155, Sổ cái TK 632, Sổ cái tài khoản 821, Sổ cái TK 421... và các sổ chi tiết liên quan (Sổ chi tiết TK 511, 154, 131,...).



Sơ đồ 1. 7 Trình tự ghi sổ theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Ghi chú:

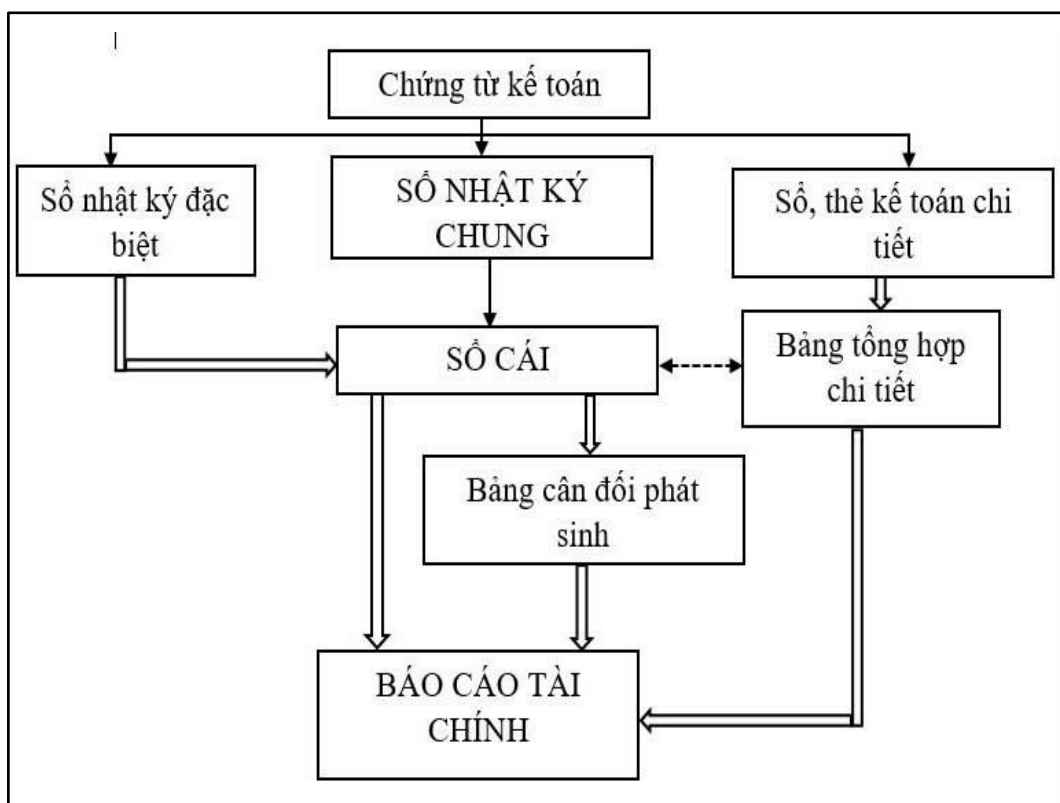
- Ghi hàng ngày $\longrightarrow$
- Ghi cuối tháng $\Longrightarrow$
- Đối chiếu, kiểm tra $\longleftrightarrow$

Hình thức chứng từ ghi sổ trong kế toán là một trong những phương pháp phổ biến để ghi chép và quản lý các hoạt động tài chính. Tuy nhiên, hình thức này cũng có một số nhược điểm: Quá trình lập và ghi sổ chứng từ có thể đòi hỏi nhiều bước, dẫn đến tốn thời gian và công sức. Khi phải xử lý và ghi

chép nhiều chứng từ thủ công, nguy cơ xảy ra sai sót trong việc ghi sổ là khá cao.

1.3.2. Hình thức Nhật ký chung

Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt, Sổ cái TK 511, Sổ cái TK 632, Sổ cái TK 821, Sổ cái TK 155, Sổ cái TK 421,... và các sổ chi tiết có liên quan (Sổ chi tiết TK 511, 131, 331, 154...).



Sơ đồ 1. 8 Trình tự ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung

Ghi chú:

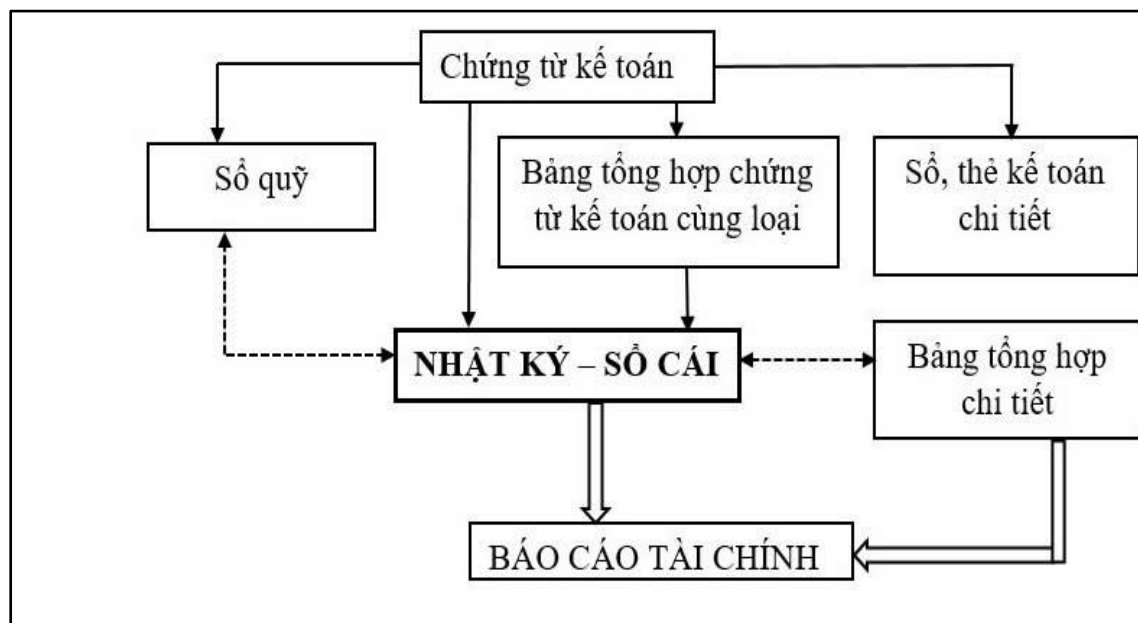
- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng
- Đối chiếu, kiểm tra

Hình thức nhật ký chung là phương pháp kế toán phổ biến, giúp ghi nhận toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian. Tuy nhiên, nó cũng tồn tại một số nhược điểm: Nhật ký chung được ghi theo thứ tự thời gian, việc tìm kiếm và tra cứu một giao dịch cụ thể có thể khó khăn và mất nhiều thời gian. Việc nhập liệu thủ công vào sổ nhật ký chung có thể dẫn đến các lỗi sai sót khi ghi chép, chẳng hạn như ghi nhầm số liệu hoặc thông tin giao dịch. Để quản lý hiệu

quả sổ nhật ký chung, kế toán viên cần có trình độ chuyên môn cao và kỹ năng tốt. Nếu nhân viên không được đào tạo bài bản, có thể dẫn đến việc ghi sổ sai hoặc thiếu sót.

1.3.3. Hình thức Nhật ký – Sổ cái

Nhật ký – Sổ cái, Sổ cái TK 511, Sổ cái TK 155, Sổ cái TK 632, Sổ cái TK 821, Sổ cái TK 421,... và các sổ chi tiết liên quan (Sổ chi tiết TK 511, 131, 154,...).



Sơ đồ 1. 9 Trình tự ghi sổ theo hình thức Nhật ký – Sổ cái

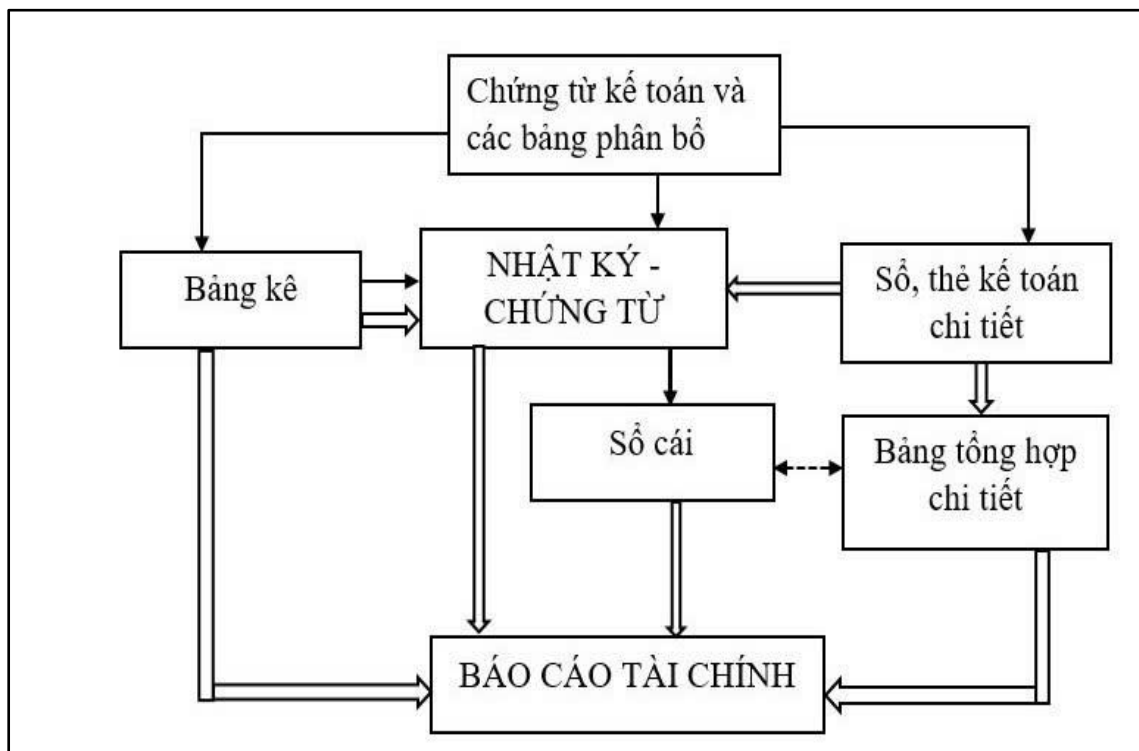
Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng ⇒
- Đối chiếu, kiểm tra ↔

Hình thức **nhật ký - sổ cái** trong kế toán kết hợp việc ghi sổ nhật ký và sổ cái vào một quy trình, giúp tiết kiệm thời gian ghi chép từng nghiệp vụ vào từng loại sổ riêng biệt. Tuy nhiên, phương pháp này cũng có một số nhược điểm: Hình thức này yêu cầu sự hiểu biết sâu sắc về cả nghiệp vụ kế toán và cách sắp xếp dữ liệu để ghi vào sổ. Điều này có thể phức tạp cho những người mới bắt đầu làm kế toán hoặc các doanh nghiệp nhỏ với ít nhân lực chuyên môn. Đối với các doanh nghiệp lớn, với số lượng giao dịch phức tạp và nhu cầu báo cáo nhanh chóng, hình thức này có thể không đáp ứng tốt bằng các hệ thống phần mềm kế toán hiện đại và tự động hóa.

1.3.4. Hình thức Nhật ký – Chứng từ

Nhật ký – Chứng từ, Bảng kê, Sổ, Thẻ kế toán chi tiết, Sổ cái TK 111, Sổ cái TK 112,...



Sơ đồ 1. 10 Trình tự ghi sổ theo hình thức Nhật ký – Chứng từ

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày $\longrightarrow$
- Ghi cuối tháng $\Longrightarrow$
- Đối chiếu, kiểm tra $\longleftrightarrow$

Hình thức **nhật ký - chứng từ** trong kế toán là một phương pháp ghi chép tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo từng loại chứng từ kế toán, sau đó chuyển vào các sổ cái và sổ chi tiết. Mặc dù phương pháp này có những ưu điểm về tính chi tiết và khả năng kiểm tra đối chiếu, nhưng cũng tồn tại nhược điểm: Việc ghi chép và quản lý theo hình thức nhật ký - chứng từ đòi hỏi nhiều bước, từ việc phân loại chứng từ, ghi vào các sổ nhật ký phù hợp, rồi chuyển dữ liệu sang sổ cái. Điều này làm gia tăng khối lượng công việc và tốn thời gian cho kế toán viên. Nếu có sai sót trong quá trình ghi chép, việc sửa lỗi trong hệ thống nhật ký - chứng từ có thể phức tạp hơn vì cần kiểm tra và điều chỉnh ở nhiều sổ và chứng từ khác nhau.

Chương 2 - THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ TIÊU THỤ TẠI CÔNG TY TNHH VINA APLUS

2.1. Tổng quan về công ty TNHH VINA APLUS

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH VINA APLUS

- Tên công ty: Công ty TNHH VINA APLUS
- Giám đốc: Đào Tiến Dũng
- Địa chỉ: Phố Cầu Huyện, Thị Trấn Thiên Tôn, Huyện Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam
- Điện thoại: 0369047309
- Mã số thuế: 2700875402
- Ngành nghề kinh doanh: May trang phục (trừ trang phục da lông thú)
- Quá trình hình thành: Công ty được thành lập ngày 22 tháng 8 năm 2018 với định hướng phát triển vào lĩnh vực may mặc và xuất khẩu ra nước ngoài.
- Công ty TNHH VINA APLUS là Công ty được thành lập trong thời kỳ đất nước trên đà phát triển, đổi mới là một trong những nhiệm vụ cấp thiết của Chính phủ nói chung và tỉnh Ninh Bình nói riêng, nhằm đóng góp phần phát triển kinh tế trong tỉnh ,... Công ty TNHH VINA ALPLUS là một trong những doanh nghiệp được thành lập nhằm góp phần vào sự nghiệp phát triển và đổi mới của xã hội.
- Trải qua 6 năm với nhiều khó khăn và thử thách, đến nay, Công ty TNHH VINA APLUS trở thành một công ty có uy tín, chất lượng và có chỗ đứng vững chắc trên thị trường. Sau khi ổn định sản xuất, công ty mở rộng đối tác kinh doanh quốc tế, đặc biệt là tại Hàn Quốc. Với việc áp dụng công nghệ hiện đại trong sản xuất, Vina Aplus bắt đầu xuất khẩu các sản phẩm vải sang thị trường nước ngoài. Bước vào kỷ nguyên công nghệ 4.0, công ty đã triển khai các giải pháp chăm sóc khách hàng dựa trên nền tảng công nghệ thông tin không chỉ tăng cường khả năng phục vụ khách hàng trong nước mà còn tạo ra sự liên kết tốt hơn với các đối tác quốc tế.

2.1.2. Đặc điểm hoạt động kinh doanh Công ty TNHH VINA APLUS

2.1.2.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH VINA APLUS

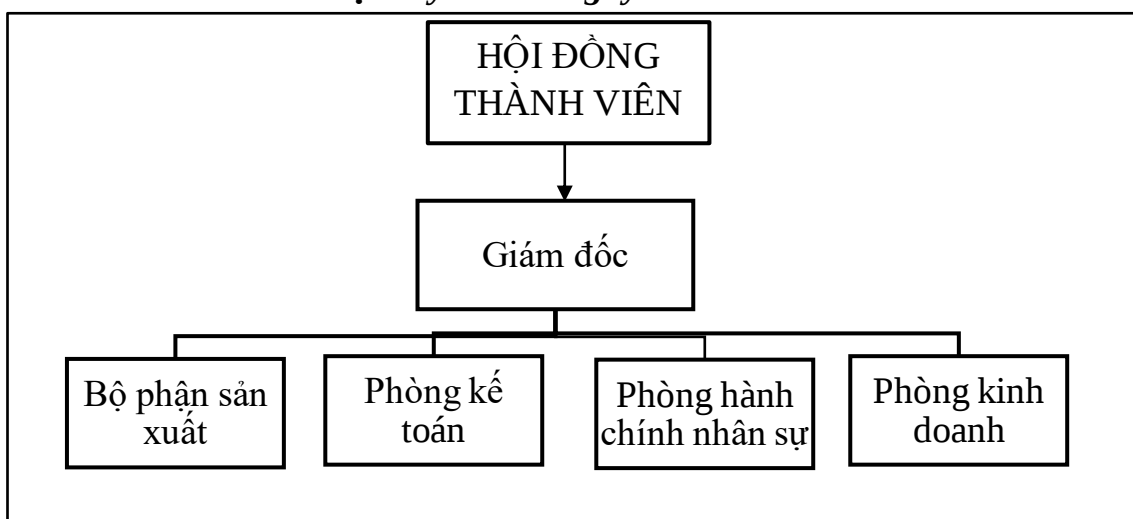
Công ty TNHH VINA ALUS kinh doanh các mặt hàng may mặc như: áo phông, áo khoác, quần gió,

Ngành may mặc là một trong những ngành được đánh giá hàng đầu của Việt Nam. Do hội tụ nhiều ưu điểm như thị trường lao động giá rẻ, nhân công có chuyên môn cao ... Ngành may mặc đang đứng trước cơ hội phát triển hơn nữa trong tương lai.

Ngành may mặc là ngành chuyên biệt và lĩnh vực may mặc nhằm đáp ứng nhu cầu về thời trang và may mặc của mọi người. Dây chuyền sản xuất công nghệ hiện đại tạo ra nhiều sản phẩm may mặc, quần áo và thời trang trong công nghệ may, đáp ứng nhu cầu về chất lượng và thẩm mỹ.

Sản phẩm may mặc của công ty bán cho doanh nghiệp trong nước và xuất khẩu ra nước ngoài.

2.1.2.2. Sơ đồ tổ chức bộ máy của Công ty



Nguồn: Phòng Hành chính Nhân sự

Sơ đồ 2. 1 Sơ đồ tổ chức bộ máy của Công ty

2.1.2.3. Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận.

- Hội đồng thành viên: Hội đồng thành viên là cơ quan quyết định cao nhất của công ty, bao gồm tất cả thành viên công ty là cá nhân và người đại diện

theo ủy quyền của thành viên công ty là tổ chức. Điều lệ công ty quy định kỳ họp Hội đồng thành viên, nhưng ít nhất mỗi năm phải họp một lần.

- Giám đốc: Là người quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty.

- Bộ phận sản xuất: Bộ phận sản xuất là nơi thực hiện các hoạt động biến đổi nguyên vật liệu thành sản phẩm hoặc dịch vụ theo yêu cầu của doanh nghiệp. Bộ phận này chịu trách nhiệm chính trong việc đảm bảo sản xuất đạt chất lượng cao, tiết kiệm chi phí và đáp ứng thời hạn giao hàng. Chức năng chính là: Lập kế hoạch sản xuất: Thiết lập kế hoạch chi tiết về thời gian, nguyên vật liệu và nhân lực cần thiết cho từng chu kỳ sản xuất. Thực hiện quy trình sản xuất: Vận hành các dây chuyền sản xuất và máy móc thiết bị, bảo đảm quá trình sản xuất diễn ra liên tục và hiệu quả. Quản lý nguyên vật liệu: Theo dõi và quản lý nguồn cung cấp nguyên vật liệu để đảm bảo sẵn sàng cho sản xuất. Kiểm tra chất lượng: Thực hiện kiểm soát chất lượng ở từng giai đoạn để đảm bảo sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật và yêu cầu của khách hàng. Bảo trì và bảo dưỡng: Đảm bảo máy móc và thiết bị sản xuất luôn hoạt động tốt thông qua các chương trình bảo trì định kỳ và sửa chữa khi cần thiết.

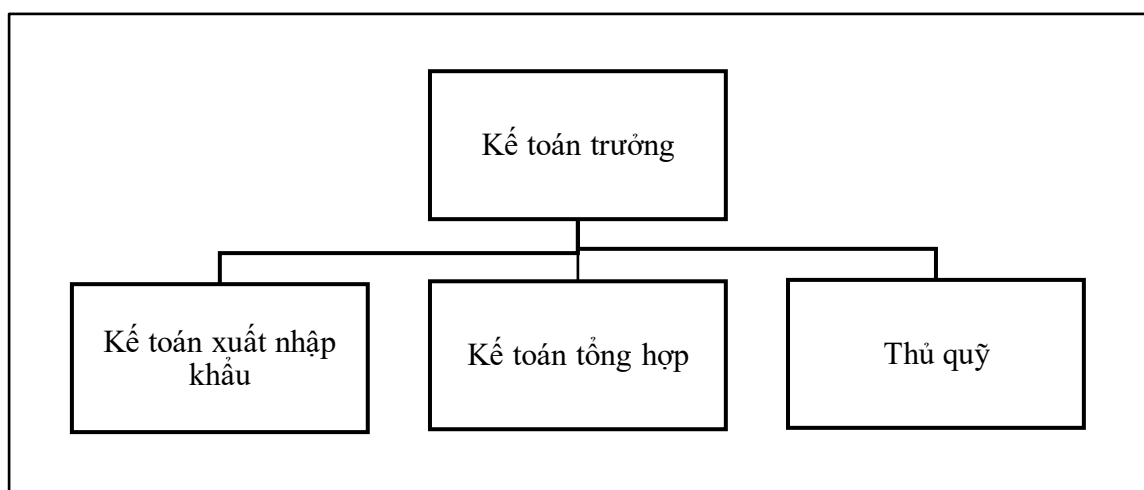
- Phòng kế toán: Thực hiện công tác hạch toán, kế toán đảm bảo đúng các quy định của Luật kế toán. Tham mưu cho Giám đốc công ty về quản lý tài sản, sử dụng các nguồn vốn: vốn chủ sở hữu, nguồn vốn vay ngân hàng, vốn huy động, vốn liên doanh để sao cho sử dụng nguồn vốn kinh doanh có hiệu quả. Xây dựng quy định về tạm ứng, thanh toán tiền và hoàn thiện chứng từ kế toán: ứng tiền, thanh toán và quyết toán lương cho công nhân viên và các hợp đồng kinh tế, bảo lãnh hợp đồng kinh tế, tạm ứng và thanh toán các chi phí phục vụ hoạt động kinh doanh của công ty. Ngoài ra còn quản lý lưu trữ hồ sơ tài chính, theo dõi, tổng hợp phân tích kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở đó phát hiện những vấn đề bất cập, đề xuất với Giám đốc để tìm biện pháp giải quyết.

- Phòng kinh doanh: Phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh trước, trong và sau khi sản xuất để sản xuất ra nước ngoài, lập hồ sơ, định giá, làm tham mưu đảm bảo tính pháp lý cho mọi hoạt động kinh tế.

- Phòng hành chính nhân sự: Giải quyết các vấn đề liên quan đến thủ tục hành chính của công ty theo chế độ hiện hành. Đại diện ủy quyền của công ty phát triển và duy trì mối quan hệ với cơ quan chính quyền. Quản lý lưu trữ hệ thống hồ sơ giấy tờ liên quan đến công tác hành chính. Lập kế hoạch cấp phát, sử dụng văn phòng phẩm, thiết bị,.. Tổ chức tuyển dụng, đào tạo nâng cao trình độ, năng lực, tổ chức thi đua khen thưởng, kỷ luật,...

Mỗi phòng ban đều có chức năng nhiệm vụ riêng nhưng giữa các phòng ban đều có mối quan hệ chặt chẽ dưới sự điều hành và quản lý của Giám đốc công ty nhằm đem lại lợi ích cao nhất cho công ty.

2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán của Công ty



Nguồn: Phòng Hành chính Nhân sự

Sơ đồ 2. 2 Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của Công ty

- *Kế toán trưởng:*

Chức năng: Tổ chức công tác kế toán và bộ máy kế toán phù hợp với tổ chức kinh doanh của công ty. Chịu trách nhiệm trực tiếp trước Giám đốc công ty về các công việc thuộc phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của Kế toán trưởng.

Nhiệm vụ: Thực hiện các quy định của pháp luật về kế toán, tài chính trong đơn vị kế toán. Tổ chức điều hành bộ máy kế toán theo quy định của Luật kế toán và phối hợp với hoạt động của công ty. Lập báo cáo tài chính.

Quyền hạn: Kế toán trưởng có quyền độc lập về chuyên môn, nghiệp vụ kế toán. Có ý kiến bằng văn bản với Giám đốc công ty về việc tuyển dụng, tuyển chuyển, tăng lương, khen thưởng, kỷ luật người làm kế toán, thủ quỹ. Yêu cầu các bộ phận liên quan trong công ty cung cấp đầy đủ, kịp thời tài liệu liên quan đến công việc kế toán

- *Kế toán xuất nhập khẩu:*

Nhiệm vụ: Phản ánh và kiểm tra tình hình ký kết, thực hiện các hợp đồng xuất nhập khẩu, kiểm tra việc bảo đảm an toàn hàng hóa xuất nhập khẩu cả về số lượng và giá trị. Tổ chức kế toán tổng hợp và chi tiết nghiệp vụ hàng hóa, nghiệp vụ thanh toán ngoại thương một cách hợp lý, phù hợp với đặc điểm kinh doanh của doanh nghiệp.

Kế toán thuế còn có nhiệm vụ kiểm tra, giám sát tình hình thanh toán giữa các bên, phản ánh tình hình tiêu thụ từng mặt hàng, nhóm hàng cả về số lượng và chất lượng chính xác kịp thời.

Xác định chính xác, đầy đủ chi phí cho hàng xuất nhập khẩu theo từng khâu, từng giai đoạn, phải sử dụng tiết kiệm vật tư, nguồn vốn đảm bảo an toàn cho hàng nhập khẩu, từ đó bảo toàn vốn và phát triển vốn kinh doanh.

Cung cấp các số liệu, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu. Kiểm tra, phân tích các chỉ tiêu tài chính phục vụ cho công tác lập kế hoạch, theo dõi và thực hiện lập kế hoạch.

- *Kế toán tổng hợp:*

Nhiệm vụ: Thực hiện các bút toán đầu năm tài chính như: kết chuyển lãi lỗ năm tài chính cũ. Nộp lệ phí môn bài. Hạch toán chi phí thuế môn bài năm tài chính mới. Tiến hành thu thập, xử lý thông tin, số liệu kế toán, các chứng từ kế toán thông qua các nghiệp vụ kinh tế phát sinh công việc của kế toán tổng hợp.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh là các hoạt động của doanh nghiệp liên quan đến quá trình kinh doanh của Doanh nghiệp: mua bán hàng hóa, CCDC, TSCĐ... thực hiện thu tiền/ chi tiền... Tính lương nhân viên, quản lý hàng tồn kho.

- *Thu quỹ:*

Nhiệm vụ: Quản lý tiền mặt của công ty, hàng ngày căn cứ vào phiếu thu chi để xuất hoặc nhập quỹ tiền mặt, ghi sổ quỹ phân thu chi. Sau đó tổng hợp đối chiếu thu chi. Cuối tháng cùng với kế toán trưởng và giám đốc tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt tại kết.

2.1.4. Chính sách kế toán áp dụng tại Công ty TNHH VINA APLUS.

✓ Chế độ kế toán

- Theo thông tư 200/2014/TT - BTC
 - Niên độ kế toán: Từ 01/01 đến 31/12
 - Đơn vị tiền tệ sử dụng: Đồng Việt Nam
 - Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi ngoại tệ: Đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ theo tỷ giá Bình quân liên ngân hàng, chuyển đổi ngoại tệ theo phương pháp Thực tế đích danh.
 - Phương pháp kế toán tài sản cố định: Nguyên tắc xác định nguyên giá TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình: Theo nguyên giá; Khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng.
 - Phương pháp kế toán hàng tồn kho: Kiểm kê hàng hóa theo phương pháp "kê khai thường xuyên", giá vốn hàng bán xác định theo phương pháp "Thực tế đích danh".
 - Tình hình trích lập và hoàn nhập dự phòng: Khi giá thị trường thấp hơn giá trị hàng hóa nhập kho, đơn vị lập dự phòng với khoản tiền bằng khoảng chênh lệch giá trị thuần có Báo cáo kế toán Sổ cái Nhật ký chứng từ Bảng tổng hợp chi tiết Sổ quỹ kiêm báo cáo quỹ Sổ chi tiết Chứng từ gốc và các bản phân bổ thể thực hiện và nguyên giá. Khi giá trị có thể thực hiện được cao hơn giá trị thuần ước tính để lập dự phòng, đơn vị sẽ hoàn nhập dự phòng.
- ✓ Chứng từ sổ sách kế toán áp dụng Những sổ sách kế toán chủ yếu được sử dụng trong hình thức kế toán.

- Bảng kê.
- Bảng tổng hợp chi tiết
- Bảng phân bổ chi phí
- Sổ cái.
- Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết.

Căn cứ để ghi vào các sổ sách kế toán chủ yếu trong hình thức nhật ký chứng từ là các chứng từ gốc. Nhưng để đơn giản và hợp lý hoá công việc ghi chép kế toán hàng ngày, kế toán nhật ký chứng từ còn sử dụng hai chứng từ là: Bảng phân bổ và tờ kê chi tiết. Bảng phân bổ là chứng từ tổng hợp phân loại chứng từ gốc cùng loại theo các đối tượng sử dụng, được dùng cho các loại chi phí phát sinh nhiều lần và thường xuyên. Khi sử dụng bảng phân bổ thì chứng từ gốc trước hết được ghi vào bảng phân bổ, cuối tháng số liệu ở bảng phân bổ được ghi vào các bảng kê và nhật ký chứng từ có liên quan. Tờ kê chi tiết cũng là loại chứng từ tổng hợp chứng từ gốc, dùng để phân loại các chi phí bằng tiền và các nghiệp vụ kinh tế phát sinh khác đã được phản ánh ở các nhật ký chứng từ hoặc các bảng kê để ghi vào các nhật ký chứng từ hoặc bảng kê khác có liên quan theo các chỉ tiêu hạch toán chi tiết qui định trên các nhật ký chứng từ. Khi sử dụng các tờ kê chi tiết thì số liệu từ chứng từ gốc trước hết được ghi vào tờ kê chi tiết, cuối tháng số liệu của các tờ kê chi tiết được ghi vào các nhật ký chứng từ và bảng kê liên quan.

2.1.5. Tình hình tài chính của Công ty: 3 năm gần đây

Bảng 2. 1 Tình hình kết quả tài chính của công ty từ 2021 - 2023

ĐVT: VNĐ

Chi tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	2022-2021		2023-2022	
				Số tuyệt đối	Số tương đối(%)	Số tuyệt đối	Số tương đối(%)
1. Nguồn vốn chủ sở hữu	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	0	0	0	0
2. Tài sản cố định	13.720.232.004	14.361.712.652	15.356.475.464	641.480.648	4,68	994.762.812	6,93
3. Doanh thu	61.665.212.456	65.889.262.628	72.017.952.328	4.224.050.172	6,85	6.128.689.700	9,31
4. Lợi nhuận trước thuế	9.962.007.174	10.449.780.688	11.053.427.884	487.773.514	4,89	603.647.196	5,78
5. Số lao động	248	255	260	7	2,82	5	1,96
6. TNBQ/ người/ tháng	5.800.000	6.000.000	6.500.000	200.000	3,45	500.000	8,33

Nguồn: Phòng Kế toán

Phân tích:

Qua bảng số liệu trên cho thấy nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty qua 3 năm không thay đổi, giữ nguyên mức vốn là 6 tỷ đồng. Có thể thấy công ty vẫn đang hoạt động ổn định hiệu quả.

Chỉ tiêu doanh thu của Công ty năm 2022 tăng 4.224.050.172đ tương ứng tăng 6,85 % so với năm 2021, năm 2023 tăng 6.128.689.700đ tương ứng tăng 9,31% so với năm 2022. Mặc dù tình hình kinh tế khó khăn thị trường cạnh tranh khốc liệt nhưng Công ty vẫn đứng vững trên thị trường. Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế tăng đều qua các năm, năm 2022 so với năm 2021 tăng 487.773.514đ tương đương 4,89 %, năm 2023 so với năm 2022 tiếp tục tăng 603.647.196đ. Điều này cho thấy Công ty đã sử dụng tiết kiệm hiệu quả chi phí trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Bên cạnh sự thay đổi của doanh thu, lợi nhuận thì lực lượng lao động của Công ty cũng biến động tăng giảm qua từng năm. Nhưng thu nhập bình quân đầu người lại tăng. Thu nhập bình quân năm 2021 đạt 5.800.000đ/người thì đến năm 2022 là 6.000.000đ/người, tăng 200.000đ/người. Năm 2023 thu nhập bình quân tăng 500.000đ/người so với năm 2022. Thông qua thu nhập bình quân có thể thấy Công ty luôn quan tâm tới toàn thể công nhân viên, thu nhập tăng sẽ khuyến khích cho người lao động làm việc hăng say hiệu quả và gắn bó lâu dài với Công ty.

Qua nhận xét trên cho thấy Công ty đang trên con đường phát triển và mở rộng quy mô. Hiện nay, Công ty đang cố gắng phát triển để đạt kết quả tốt nhất trong tương lai, đưa sản phẩm của công ty đến gần với khách hàng.

2.2. thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả tiêu thụ tại công ty TNHH VINA APLUS.

2.2.1. Kế toán doanh thu tại công ty TNHH VINA APLUS.

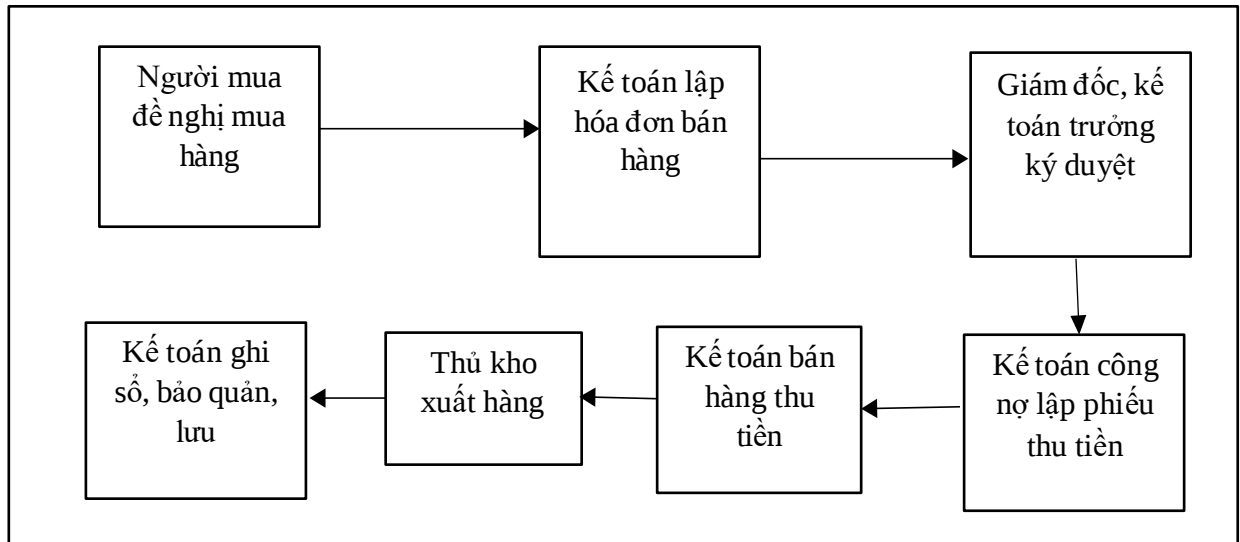
2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Doanh thu chủ yếu của đơn vị là doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Doanh thu bán hàng hóa là doanh thu chính của Công ty. Đây là số tiền đã thu hoặc sẽ thu chủ yếu từ việc bán trang phục may mặc (trừ da lông thú); ngoài

ra còn cung cấp các sản phẩm từ việc bán buôn vải, giày dép; bán buôn chuyên doanh khác; bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác, ...

Quy trình luân chuyển nghiệp vụ bán hàng được thể hiện chi tiết qua sơ đồ sau:



Nguồn: Phòng Kế toán

Sơ đồ 2. 3 Quy trình luân chuyển nghiệp vụ bán hàng

Giải thích quy trình luân chuyển nghiệp vụ bán hàng: Khi có đề nghị mua hàng hoặc đơn đặt hàng từ khách hàng, nhân viên phòng kinh doanh sẽ soạn thảo hợp đồng kinh tế làm căn cứ mua bán giữa hai bên, kế toán tiến hành viết hóa đơn bán hàng và chuyển cho giám đốc hoặc kế toán trưởng ký.

Trường hợp khách thanh toán ngay kế toán công nợ tiến hành lập phiếu thu 2 liên, phiếu thu sau khi được ký duyệt thì kế toán bán hàng thu tiền và thủ kho xuất hàng cho khách hàng. Liên 1 kế toán bán hàng kẹp chứng từ gốc và lưu lại tại quầy, liên 2 giao cho khách hàng, từ số liệu của hóa đơn GTGT kế toán tổng hợp tiến hành ghi sổ nhật ký chung, sổ cái, sổ chi tiết doanh thu TK 511.

Trường hợp khách hàng chưa thanh toán: kế toán ghi nhận TK 131 phải thu khách hàng. Khi nhận được giấy báo có từ ngân hàng về khoản tiền khách hàng thanh toán, kế toán tiến hành nhập số liệu vào sổ nhật ký chung và sổ cái TK 511 đồng thời ghi giảm khoản phải thu khách hàng và kẹp với chứng từ gốc và lưu lại.

Cuối năm kế toán đối chiếu tổng hợp số liệu từ sổ cái TK 511 và trình bày thông tin lên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Về phương thức thanh toán công ty chấp nhận mọi hình thức thanh toán: Tiền mặt, chuyển khoản trong thời gian quy định trong hợp đồng.

Chứng từ kế toán sử dụng:

- Hợp đồng kinh tế
- Hóa đơn thương mại, hóa đơn GTGT
- Phiếu xuất kho
- Phiếu thu, Giấy báo có, Ủy nhiệm thu
- Các biên bản thừa thiếu hàng, Biên bản hàng bán bị trả lại

Tài khoản kế toán sử dụng:

Hệ thống tài khoản hiện nay đang được áp dụng tại Công ty đều tuân thủ chế độ kế toán DN theo thông tư 200/2014/TT-BTC. Việc vận dụng hệ thống tài khoản và sổ kế toán là cơ bản thống nhất.

Để theo dõi và hạch toán doanh thu BH & CCDV, Công ty mở tài khoản 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Công ty thực hiện mở tài khoản chi tiết các cấp cho tài khoản này theo đúng quy định. Công ty chủ yếu thực hiện mở chi tiết tài khoản DT theo nhóm sản phẩm.

Trong tháng doanh nghiệp không có đơn hàng xuất khẩu và doanh nghiệp chỉ thực hiện các đơn hàng trong nước. Dưới đây là các nghiệp vụ phát sinh với các đơn hàng trong nước.

Các nghiệp vụ phát sinh trong công ty

Trích dẫn 1. Ngày 12/3/2024 xuất kho 1.000 chiếc áo phông và 600 chiếc quần gió cho công ty liên doanh trong nước Jealll Hàn Quốc. Giá bán chưa có thuế với áo 250.000đ/SP và quần là 185.000đ/SP, thuế xuất thuế GTGT 10%, giá vốn của lô áo là 170.000.000đ và quần là 72.000.000, khách hàng thanh toán bằng chuyển khoản.

Định khoản:

Nợ TK 632: 170.000.000

Có TK 155: 170.000.000

Nợ TK 112: 275.000.000

Có TK 511: 250.000.000

Có TK 3331: 25.000.000

Nợ TK 632: 72.000.000

Có TK 155: 72.000.000

Nợ TK 112: 122.100.000

Có TK 511: 111.000.000

Có TK 3331: 11.100.000

Trích dẫn 2. Ngày 15/3/2024 xuất kho 800 chiếc quần gió và 850 chiếc áo phông cho công ty liên doanh Deack Woo. Giá bán chưa có thuế với quần là 185.000đ/SP và áo là 250.000đ/SP, thuế xuất thuế GTGT 10%, biết giá vốn của lô quần 96.000.000đ và lô áo là 144.500.000đ. Khách hàng thanh toán bằng chuyển khoản.

Định khoản

Nợ TK 632: 96.000.000

Có TK 155: 96.000.000

Nợ TK 112: 162.800.000

Có TK 511: 148.000.000

Có TK 3331: 14.800.000

Nợ TK 632: 144.500.000

Có TK 155: 144.500.000

Nợ TK 112: 234.000.000

Có TK 511: 212.500.000

Có TK 3331: 21.250.000

Biểu số 2. 1 Đơn đặt hàng của công ty Jeail

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐẶT HÀNG

Số:0152

Công ty: TNHH VINA APLUS

Khách hàng: Công ty Hàn Quốc Jeail

Nội dung đặt hàng như sau:

ĐVT: đồng

STT	Tên mặt hàng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Áo phông	Chiếc	1.000	250.000	250.000.000
2	Quần gió	Chiếc	600	185.000	111.000.000
	Tổng cộng				361.000.000

Thời gian giao hàng:

Giao hàng trong vòng 1 tháng sau khi nhận được đơn đặt hàng

Địa điểm giao hàng:

Giao hàng tại: kho Công ty

Thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản

Thanh toán 100% sau khi giao hàng.

Ninh Bình, ngày 12 tháng 3 năm 2024

Xác nhận của người mua

Xác nhận của người bán

Biểu số 2. 2 Đơn đặt hàng của công ty Deack Woo

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐẶT HÀNG

Số:0155

Công ty: TNHH VINA APLUS

Khách hàng: Công ty Hàn Quốc Deack Wook

Nội dung đặt hàng như sau:

ĐVT: đồng

STT	Tên mặt hàng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Quần gió	Chiếc	800	185.000	148.000.000
2	Áo phông	Chiếc	850	250.000	212.500.000
	Tổng cộng				360.500.000

Thời gian giao hàng:

Giao hàng trong vòng 1 tháng sau khi nhận được đơn đặt hàng

Địa điểm giao hàng:

Giao hàng tại: kho Công ty

Thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản

Thanh toán 100% sau khi giao hàng.

Ninh Bình, ngày 15 tháng 3 năm 2024

Xác nhận của người mua

Xác nhận của người bán

Biểu số 2. 3 Hóa đơn giá trị gia tăng

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT INVOICE)

(series):1C24TYY

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

Ký hiệu

Số (No):

00000013

Ngày(Date) 12

(E-Invoice viewer)

tháng (month) 3

năm (year) 2024

Mã CQT (Code): 00A5B2044BB2BC402C96289A0E1A90CCD0

Đơn vị bán hàng (Supplier):CÔNG TY TNHH VINA APLUS

Mã số thuế (Tax code): 2700875402

Địa chỉ(Address): Phố Cầu Huyện, Thị Trấn Thiên Tôn, Huyện Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 0369047309 Email:

Số tài khoản(Bank A/C):

Họ tên người mua hàng(Buyer):

Tên đơn vị(Company's name): CÔNG TY HÀN QUỐC JEAILL

Mã số thuế (Tax code):

Địa chỉ (Address): Ninh Bình

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản

Số tài khoản (Bank account):

Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods and services)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
B	C	1	2	3=1x2
Quần gió	Chiếc	600	185.000	111.000.000
Áo phông	Chiếc	1.000	250.000	250.000.000
Tỷ lệ chiết khấu :	Số tiền chiết khấu :			
Cộng tiền hàng (Total before VAT):				361.000.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount):			36.100.000
Tổng tiền thanh toán (Total amount):				397.100.000
Số tiền viết bằng chữ (Total amount in words):Ba trăm chín mươi bảy triệu một trăm nghìn đồng .				
Người mua hàng (Buyer) (Ký, ghi rõ họ, tên) (Signature, full name)		Người bán hàng (Seller) (Ký, ghi rõ họ, tên) (Signature, full name) Ký bởi: TNHH VINA APLUS Ký ngày:12/3/2024 (Cần kiểm tra, đối chiếu trước khi lập, giao, nhận hóa đơn)		
Mã tra cứu hóa đơn (Invoice code): 2ACRHVV5LGWG				
Tra cứu tại Website (Search on Website):		https://www.meinvoice.vn/tra-cuu/		

Biểu số 2. 4 Hóa đơn giá trị gia tăng

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT INVOICE)

(series):1C24TYY

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(E-Invoice viewer)

Ngày(Date)1 5 tháng (month) 3 năm (year) 2024

Mã CQT (Code): 00A5B2044BB2BC402C96289A0E1A90CCD0

Ký hiệu

Số (No):

00000015

Đơn vị bán hàng (Supplier):CÔNG TY TNHH VINA APLUS

Mã số thuế (Tax code): 2700875402

Địa chỉ (Address): Phố Cầu Huyện, Thị Trấn Thiên Tôn, Huyện Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 0369047309 Email:

Số tài khoản (Bank A/C):

Họ tên người mua hàng(Buyer):

Tên đơn vị(Company's name): CÔNG TY HÀN QUỐC DEACK WOO

Mã số thuế (Tax code):

Địa chỉ (Address): Ninh Bình

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản

Số tài khoản (Bank account):

Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods and services)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
B	C	1	2	3=1x2
Áo phông	Chiếc	850	250.000	212.500.000
Quần gió	Chiếc	800	185.000	148.000.000
Tỷ lệ chiết khấu :		Số tiền chiết khấu :		
Cộng tiền hàng (Total before VAT):				360.500.000
Thuế suất GTGT (VAT rate):	10 %	Tiền thuế GTGT (VAT amount):	36.050.000	
Tổng tiền thanh toán (Total amount):				396.550.000
Số tiền viết bằng chữ (Total amount in words): Ba trăm chín mươi sáu triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn đồng.				
Người mua hàng (Buyer) (Ký, ghi rõ họ, tên) (Signature, full name)		Người bán hàng (Seller) (Ký, ghi rõ họ, tên) (Signature, full name) Ký bởi: TNHH VINA APLUS Ký ngày:15/3/2024 (Cần kiểm tra, đối chiếu trước khi lập, giao, nhận hóa đơn)		
Mã tra cứu hóa đơn (Invoice code): 2ACRHVV5LGWG Tra cứu tại Website (Search on Website): https://www.meinvoice.vn/tra-cuu/				

Biểu số 2. 5 Sổ chi tiết bán Áo phông

Đơn vị: Công ty TNHH VINA APLUS					Mẫu số: S35 – DN				
Địa chỉ: Phố Cầu Huyện, Thị Trấn Thiên Tôn, Huyện Hoa Lư					Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC				
TP. Ninh Bình					ngày 22/12/2014 của BTC)				
SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG									
Tài khoản: 511 (Doanh thu bán hàng)									
Tên sản phẩm, hàng hóa dịch vụ: Áo phông									
Tháng 3/2024									
ĐVT: đồng									

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	NT			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Trả lại, CKTM
12/3	HĐG TGT 0000 0013	12/3	Bán hàng Công ty Hàn Quốc Ieail	112	1.000	250.000	250.000.000		
14/3	HĐG TGT 0000 0014	14/3	Bán hàng cho Ông Đào Quốc Huy	112	600	250.000	150.000.000		
15/3	HĐG TGT 0000 0015	15/3	Bán hàng cho công ty Hàn Quốc Deack Woo	112	850	250.000	212.500.000		
			Cộng		2.450	250.000	612.500.000		
			DTT		2.450	250.000	612.500.000		
			GVHB		2.450	170.000	416.500.000		
			Lãi gộp				196.000.000		

Sổ này có 30 trang từ trang số 01 đến trang số 30 Ngày tháng mở sổ: 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024

Người giữ và ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 3 năm 2024
Giám đốc
(Ký, đóng dấu)

40

Biểu số 2. 6 Sổ chi tiết bán quần giố

Đơn vị: Công ty TNHH VINA APLUS

Địa chỉ: Phố Cầu Huyện, Thị Trấn Thiên Tôn, Huyện Hoa Lư

TP. Ninh Bình

Mẫu số: S35 – DN

Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tài khoản: 511 (Doanh thu bán hàng)

Tên sản phẩm, hàng hóa dịch vụ: Quần giố

Tháng 3/2024

ĐVT: đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	NT			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Trả lại, CKTM
12/3	HDG TGT 0000 0013	12/13	Bán hàng Công ty Hàn Quốc Ieail	112	600	185.000	111.000.000		
14/3	HDG TGT 0000 0014	14/3	Bán hàng cho Ông Đào Quốc Huy	112	650	185.000	120.250.000		
15/3	HDG TGT 0000 0015	15/3	Bán hàng cho công ty Hàn Quốc Deack Woo	112	800	185.000	148.000.000		
			Cộng		2.050	185.000	379.250.000		
			DTT		2.050	185.000	379.250.000		
			GVHB		2.050	120.000	246.000.000		
			Lãi gộp				133.250.000		

Sổ này có 30 trang từ trang số 01 đến trang số 30 Ngày

tháng mở sổ: 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024

Người giữ và ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, đóng dấu)

Ngày 31 tháng 3 năm 2024

Biểu số 2. 7 Sổ nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH VINA APLUS

Mẫu sổ S03a-DN

Địa chỉ: Phố Cầu Huyện, Thị Trấn Thiên Tôn, Huyện Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG (Trích) Năm 2024

ĐVT: đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng					Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số trang trước chuyển sang					
12/3	HĐGTGT 00000013	12/3	BH cho công ty Hàn Quốc Jeaill			111	397.100.000	
						511		361.000.000
						333		36.100.000
...	...	...	...					
14/3	HĐGTGT 00000014	14/3	BH cho ông Đào Quốc Huy			111	165.000.000	
						511		150.000.000
						3331		15.000.000
...	...	...						
15/3	HĐGTGT 00000015	15/3	BH cho công ty Hàn Quốc Dueck Woo			112	396.550.000	
						511		360.500.000
						3331		36.050.000
			Cộng chuyển sang trang sau	x	x	x	65.880.260.620	65.880.260.620

- Sổ này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ: ... Từ ngày 1/1/2024 đến ngày 31/12/2024

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 3 năm 2024
Người đại diện theo pháp luật
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2. 8 Bảng tổng hợp doanh thu

Đơn vị: Công ty TNHH VINA APLUS

Địa chỉ: Phố Cầu Huyện, Thị Trấn Thiên Tôn, Huyện Hoa Lư, TP.NB

BẢNG TỔNG HỢP DOANH THU

Tháng 3/2024

ĐVT: đồng

STT	TÊN HH	SL	ĐG	Các khoản giảm trừ	TT
1	Áo phông	2.450	250.000		612.500.000
2	Quần gió	2.050	185.000		379.250.000
...		...	...	...	...
	TỔNG				1.179.482.800

Ngày 31 tháng 3 năm 2024

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2. 9 Trích Sổ cái TK 511

Đơn vị: Công ty TNHH VINA APLUS

Mẫu số S03b – DN

Địa chỉ: Phố Cầu Huyện, Thị Trấn Thiên Tôn, Huyện Hoa
Lư, TP. Ninh Bình

Ban hành theo TT200/2014/TT – BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính

SỔ CÁI (Trích)

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2024

Tài khoản: Doanh thu bán hàng.

Số hiệu: 511

ĐVT: đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
12/3	HĐ GTGT 00000013	12/3	Bán hàng cho Công ty Hàn Quốc Jeail			112		250.000.000
...	...	...	...	...	...	...	...	..
14/3	HĐ GTGT 00000014	14/3	Ông Đào Quốc Huy			112		150.000.000
...	...	...	...	...	...	...	...	..
15/3	HĐ GTGT 00000015	15/3	Bán hàng cho công ty Deack Woo			112		148.000.000
....						...		...
31/3	PKT 24	31/3	Kết chuyển doanh thu bán hàng			911	1.179.482.800	
			Tổng phát sinh				1.179.482.800	1.179.482.800

Ngày mở sổ: 01/01/2024

Sổ này có... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...

Ngày 31 tháng 3 năm 2024

số phát sinh bằng bảng tổng hợp

2.2.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.

Công ty cũng có thể phải chịu các khoản khấu trừ thu nhập trong quá trình thực hiện các giao dịch kinh doanh (giao dịch bán hàng). Khấu trừ thu nhập của công ty thường là chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Việc được giảm giá sẽ lôi kéo khách hàng đặt nhiều đơn hàng lớn hơn, giúp công ty thu được lợi nhuận và giảm lượng hàng tồn kho.

- **Chiết khấu thương mại:** là khoản doanh nghiệp giảm giá bán niêm yết cho khách hàng mua với khối lượng lớn.

Chứng từ sử dụng:

Hợp đồng kinh tế

Hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng

Tài khoản sử dụng: TK 5211

Điều kiện hưởng chiết khấu thương mại: Khách hàng mua hàng với số lượng các mặt hàng có từ 2.000 sản phẩm/lần trở lên được hưởng chiết khấu 1% trên tổng giá bán chưa có thuế GTGT.

- **Hàng bán bị trả lại:** là khối lượng hàng bán đã xác định tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

Chứng từ sử dụng:

Biên bản trả hàng

Hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng

Khi có hàng bán bị trả lại, căn cứ vào biên bản trả hàng và hóa đơn GTGT. Kế toán tiến hành lập phiếu nhập kho để nhập lại sản phẩm. Đồng thời lập phiếu kế toán bán hàng trả lại để ghi nhận vào doanh thu hàng bán trả lại.

Tài khoản sử dụng: TK 5212

Sổ kế toán sử dụng: Sổ chi tiết TK 521, Sổ cái TK 521, Sổ nhật ký chung.

➤ **Giảm giá hàng bán:** là khoản mà công ty bán giảm giá cho khách hàng khi khách hàng mua hàng hóa, thành phẩm nhưng lại kém phẩm chất hay không đáp ứng đủ điều kiện chất lượng như trong hợp đồng đã ký giữa 2 bên.

Chứng từ sử dụng:

Biên bản giảm giá hàng bán

Hóa đơn giảm giá hàng bán

Tài khoản sử dụng: TK 5213

- Trong kỳ, Công ty không phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu.

2.2.2. Kế toán chi phí tại công ty TNHH VINA APLUS.

Chi phí tại công ty bao gồm: chi phí về giá vốn, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí hoạt động tài chính và chi phí khác.

2.2.2.1. Kế toán chi phí giá vốn.

- Phương pháp xác định giá vốn:

Cũng như Doanh thu của hàng hóa thì Giá vốn của hàng hóa cũng chỉ xác định khi hàng hóa được xác định là tiêu thụ. Giá vốn hàng hóa là chi phí hợp lý có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định kết quả kinh doanh của Công ty.

- Cách xác định giá vốn :

Giá vốn = Giá mua hàng hóa + Thuế (không bao gồm thuế được hoàn lại) + Chi phí phát sinh trong khâu mua - Giảm giá mua hàng, chiết khấu thương mại được hưởng, hàng mua trả lại.

Trong đó :

- Giá mua hàng hóa xác định theo hóa đơn.
- Các khoản thuế phát sinh trong khâu mua hàng bao gồm : Thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường.
- Chi phí mua hàng : Bao gồm các chi phí trực tiếp phát sinh trong quá trình mua hàng như chi phí vận chuyển, bốc xếp hàng hóa, chi phí bảo hiểm, chi phí lưu kho lưu bãi, hao hụt tự nhiên trong khâu mua.
- Giảm giá hàng bán.
- Chiết khấu thương mại.
- Hàng mua trả lại.

Tại Công ty giá vốn của thành phẩm xuất kho được tính theo phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ :

$$\text{Giá đơn vị bình quân} = \frac{\text{Giá thực tế tồn đầu kỳ} + \text{Nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng tồn đầu kỳ} + \text{Nhập trong kỳ}}$$

Sau khi hoàn tất việc giao hàng, bộ phận kế toán có nhiệm vụ ghi chép, nhập số liệu chi tiết những lần nhập xuất kho cho từng mặt hàng cụ thể như: mã kho, mã vật tư, ... Như vậy trong quá trình theo dõi Nhập - Xuất - Tồn của hàng hóa sẽ dễ dàng, thuận tiện hơn, tính giá của hàng hóa cũng chính xác hơn.

- Sổ sách, chứng từ sử dụng, tài khoản sử dụng :

Chứng từ sử dụng :

Phiếu nhập kho, phiếu xuất kho

Bảng kê hóa đơn bán lẻ hàng hóa, dịch vụ

Bảng chứng từ khác liên quan đến nghiệp vụ bán hàng.

Sổ sách sử dụng :

Sổ nhật ký chung

Sổ chi tiết TK 632, sổ cái TK 632

Tài khoản sử dụng :

TK 632 : Giá vốn hàng bán

Quy trình hạch toán giá vốn cung cấp dịch vụ.

Trình tự kế toán: Khi khách hàng yêu cầu mua hàng, nhân viên phòng kinh doanh sẽ lập phiếu yêu cầu xuất hàng và xin phê duyệt của giám đốc hoặc kế toán trưởng. Sau khi tiếp nhận yêu cầu xuất hàng, thủ kho chuẩn bị hàng theo yêu cầu. Kế toán dựa vào phiếu xuất kho để ghi nhận giá vốn.

Từ những căn cứ trên kế toán ghi nhận giá vốn hàng bán trên sổ chi tiết TK 632, sổ nhật ký chung và sổ cái TK 632. Cuối kỳ làm bút toán kết chuyển giá vốn sang TK 911- Xác định kết quả kinh doanh.

Tính đơn giá xuất kho:

Số lượng dư đầu kỳ: Áo phông 1: 1.250, đơn giá 170.000đ/SP; quần gió: 950, đơn giá 120.000đ/SP.

Số lượng phát sinh trong kỳ: Áo phông: 2.450, đơn giá 170.000đ/SP; quần gió: 2.050, đơn giá 120.000đ/SP.

Đơn vị tính theo phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ:

$$\text{Đơn giá áo} = \frac{(1.250 \times 170.000) + (2.450 \times 170.000)}{1.250 + 2.450} = 170.000 \text{đ/SP}$$

$$\text{Đơn giá quần} = \frac{(950 \times 120.000) + (2.050 \times 120.000)}{950 + 2.050} = 120.000 \text{đ/SP}$$

Từ đơn đặt hàng kế toán vào phiếu xuất kho

Biểu số 2. 10 Phiếu xuất kho cho Jeail

PHIẾU XUẤT KHO							
Ngày 12 tháng 3 năm 2024				Nợ: 632			
Số: 10				Có: 155			
Họ và tên người nhận hàng: Công ty Hàn Quốc Jeail.							
Lý do xuất kho: Xuất bán							
Xuất tại kho (ngăn lô): KT 006							
S T T	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Áo phông		chiếc	1.000	1.000	170.000	170.000.000
2	Quần gió		chiếc	600	600	120.000	72.000.000
	Cộng	x	x	x	x	x	242.000.000
Tổng số tiền (viết bằng chữ): Hai trăm bốn mươi hai triệu đồng.							
Số chứng từ gốc kèm theo: 01							
Ngày 12 tháng 3 năm 2024							
Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Người nhận hàng (Ký, họ tên)	Thủ kho (Ký, họ tên)	Kế toán trưởng (Hoặc bộ phận có nhu cầu nhập) (Ký, họ tên)	Giám đốc (Ký, họ tên)			

Biểu số 2. 11 Phiếu xuất kho cho Deack Woo**Đơn vị: Công ty TNHH VINA APLUS****Mẫu số 02 - VT****Địa chỉ: Phố Cầu Huyện, Thị Trấn
Thiên Tôn, Huyện Hoa Lư, Tỉnh
Ninh Bình****(Ban hành theo Thông tư số
200/2014/TT-BTC****Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)****PHIẾU XUẤT KHO***Ngày 15 tháng 3 năm 2024***Nợ: 632****Số: 17****Có: 155****.Họ và tên người nhận hàng: Công ty Hàn Quốc Deack Wook****Lý do xuất kho: Xuất bán****Xuất tại kho (ngăn lô): KT 006**

S T T A	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá	Mã số C	Đơn vị tính D	Số lượng		Đơn Đ g i á	Thành t i e n
				Yêu	Thực		
				cầu	xuất		
	B	C	D	1	2	3	4
1	Quần gió		chiếc	800	800	120.000	96.000.000
2	Áo phông		chiếc	850	850	170.000	144.500.000
	Cộng	x	x	x	x	x	240.500.000

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Hai trăm bốn mươi triệu năm trăm nghìn đồng.**Số chứng từ gốc kèm theo: 01***Ngày 15 tháng 3 năm 2024***Người lập****Người
nhận****Thủ kho****Kế toán trưởng****Giám đốc****phiếu****hàng****(Ký, họ tên)****(Hoặc bộ phận có
nhu cầu nhập)****(Ký, họ tên)****(Ký, họ tên)****(Ký, họ tên)****(Ký, họ tên)**

Biểu số 2. 12 Sổ chi tiết giá vốn Áo phông

Đơn vị: Công ty TNHH VINA APLUS

Mẫu số S38-DN

Địa chỉ: Phố Cầu Huyện, Thiên Tôn

(Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC)

Hoa Lư, TP. Ninh Bình

Ngày 22/12/2014 của BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 632 - Giá vốn hàng bán

Tháng 3/2024

Mã hàng: TP01 Tên hàng: Áo phông

ĐVT: đồng

Ngày Tháng Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	TK Đôi Ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có	N ợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
			SPS trong kỳ					
12/3	PXK 10	12/3	Bán hàng cho công ty Hàn Quốc Jeaill	155	170.000.000			
14/3	PXK 13	14/3	Bán hàng cho ông Đoàn Quốc Huy	155	102.000.000			
15/10	PXK 17	15/3	Bán hàng cho công ty Hàn Quốc Deack Woo	155	144.500.000			
31/3	PKT 25	31/3	K/c giá vốn tháng 3	911		416.500.000		
			Cộng SPS		416.500.000	416.500.000		

- Sổ này có ... trang, đánh từ số trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ 01/01/2024 ngày kết thúc 31/12/2024

Ngày 31 tháng 3 năm 2024

Người ghi sổ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2. 13 Sổ chi tiết giá vốn quần áo

Đơn vị: Công ty TNHH VINA APLUS

Mẫu số S38-DN

Địa chỉ: Phố Cầu Huyện, Thiên Tôn

(Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC

Hoa Lư, TP. Ninh Bình

Ngày 22/12/2014 của BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 632 - Giá vốn hàng bán

Năm 2024

Mã hàng: TP02 Tên hàng: Quần áo

ĐVT: đồng

NT Ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
			SPS trong kỳ					
12/3	PXK 10	12/3	Bán hàng cho công ty Hàn Quốc Jeall	155	72.000.000			
14/3	PXK 13	14/3	Bán hàng cho ông Đào Quốc Huy	155	78.000.000			
15/3	PXK 17	15/3	Bán hàng cho công ty Hàn Quốc Deack Woo		96.000.000			
31/3	PKT 26	31/3	K/c giá vốn tháng 3	911		246.000.000		
			Cộng SPS		246.000.000	246.000.000		

- Sổ này có ... trang, đánh từ số trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ 01/01/2024 ngày kết thúc 31/12/2024

Ngày 31 tháng 3 năm 2024

Người ghi sổ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

Ký, ghi rõ họ tên

Biểu số 2. 14 Bảng tổng hợp giá vốn

Đơn vị: Công ty TNHH VINA APLUS

Địa chỉ: Phố Cầu Huyện, thị trấn Thiên Tôn, Huyện Hoa Lư, TP. Ninh Bình

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ VỐN

Tháng 3/2024

ĐVT: đồng

STT	TÊN HH	SL	ĐG	TT
1	Áo phông	2.250	170.000	416.500.00
2	Quần gió	2.050	120.000	246.000.000
....				
	TỔNG			845.750.000

Người ghi sổ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 3 năm 2024

Biểu số 2. 15 Sổ cái 632

Đơn vị: Công ty TNHH VINA APLUS

Mẫu số S03b – DN

Địa chỉ:Phố Cầu Huyện, thị trấn Thiên Tôn, Huyện Hoa Lư, TP.Ninh

Ban hành theo TT200/2014/TT – BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính

SỔ CÁI (TRÍCH)

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2024

Tài khoản: Giá vốn hàng

bán Số hiệu: 632

ĐVT : đồng

NT ghi số S	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT		Trang số	STT đồng		Nợ	Có
ở								
12/3 n à	PXK 10	12/3	Giá vốn hàng bán			155	170.000.000	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
15/3 Y c	PXK 17	15/3	Giá vốn hàng bán			155	96.000.000	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
31/3 ...	PKT 26	31/3	Kết chuyển doanh thu bán hàng			911		845.750.000
t			Tổng phát sinh				845.750.000	845.750.000

rang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...

Ngày mở sổ: 01/01/2024

Ngày 31 tháng 3 năm 2024

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(đã ký)

(đã ký)

(đã ký)

2.2.2.2. Kế toán chi phí bán hàng.

Chi phí bán hàng của công ty là chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng bao gồm các chi phí dịch vụ mua ngoài. Chi phí dịch vụ mua ngoài này chính là chi phí thuê vận chuyển hàng hóa... Các khoản chi phí này đều được coi là hợp lệ nếu có đủ các chứng từ có liên quan để kế toán làm căn cứ và được tập hợp vào tài khoản chi phí bán hàng (TK 641). Cuối kỳ kết chuyển sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT, hợp đồng dịch vụ mua ngoài
- Phiếu chi
- Giấy báo nợ

Sổ sách sử dụng: sổ cái TK 641, sổ chi tiết TK 641, Sổ nhật ký chung.

Tài khoản sử dụng: TK 641

Quy trình xử lý nghiệp vụ:

Hàng ngày, khi phát sinh các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến chi phí bán hàng, kế toán căn cứ vào các chứng từ liên quan để vào sổ chi tiết TK 641.

Mình họa nghiệp vụ kinh tế phát sinh (vt: VNĐ)

Nghiệp vụ: Ngày 31/3/2024 thanh toán tiền điện tháng 1 hóa đơn GTGT số 106214 cho bộ phận bán hàng : 3.000 số, bộ phận quản lý: 2767 số, đơn giá : 2.461 đ/kWh. (Thuế suất thuế VAT 8%)

- Định khoản:

Nợ TK 641: 7.383.000

Nợ TK 642: 6.809.587

Nợ TK 133: 1.135.407

Có TK 112: 15.327.994

Biểu số 2. 16 Hóa đơn GTGT



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC NINH BÌNH

Mã số thuế (Tax Code): 2700277392

Địa chỉ (Address): Km số 2, quốc lộ 1A, Phường Đông Thành, Thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Hoa Lư - CN Công ty TNHH Một thành viên Điện lực Ninh Bình

- Số TK: 3305201000521 - Tại NH: Ngân hàng nông nghiệp và PTNT Huyện Hoa Lư



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 31 tháng (month) 3 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TPE

Số (No): 106214

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH VINA APLUS

Mã số thuế (Tax code): 2700284689

Địa chỉ (Address): Phố Cầu Huyện, Thị Trấn Thiên Tôn, Huyện Hoa Lư

Mã khách hàng (Customer's Code): PNNQ003525658

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 3 năm 2024 từ ngày 01/3/2024 đến ngày 31/3/2024	kWh	5.767	2.461	14.167.977
	(kèm theo bảng kê số 1415456872 ngày 31 tháng 3 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					14.167.977
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%			Tiền thuế GTGT (VAT amount):		1.135.407
Tỷ giá (Exchanged rate):			Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):		15.327.994
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Mười lăm triệu ba trăm hai mươi bảy nghìn chín trăm chín mươi tư đồng					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)



Được ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC NINH BÌNH

Ngày ký: 31/ 12/ 2023 11:09:21

Biểu số 2. 17 Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội

Đơn vị: Công ty TNHH VINA APLUS

Địa chỉ :Phố Cầu Huyện, Thị Trấn Thiên Tôn, Huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh

Mẫu số 11-LĐTL

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Bình

BẢNG PHÂN BỐ TIỀN LƯƠNG VÀ BẢO HIỂM XÃ HỘI

Tháng 3 năm 2024

Số TT	Ghi có Tài khoản Đối tượng sử dụng (Ghi Nợ các Tài khoản)	TK 334 - Phải trả người lao động			TK 338 - Phải trả, phải nộp khác					Tổng cộng
		Lương	Các khoản khác	Cộng Có TK 334	Kinh phí công đoàn	Bảo hiểm xã hội	Bảo hiểm YT	BHTN	Cộng Có TK 338	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	TK 622 - Chi phí nhân công trực tiếp	321.890.000			6.437.800	56.330.750	9.656.700	3.218.900	75.554.150	397.444.150
4	TK 641- Chi phí bán hàng	15.872.000			317.440	2.777.600	476.160	158.720	3.729.920	19.601.920
5	TK 642- Chi phí quản lý doanh nghiệp	12.440.000			1.388.800	12.152.000	2.083.200	694.400	16.318.400	45.076.800
9	TK 334- Phải trả người lao động			483.414.000		38.673.120	7.251.210	4.834.140	40.856.760	40.856.760
	Cộng	483.414.000		483.414.000	9.668.280	123.270.570	21.753.630	9.668.280	154.369.050	502.979.630

Người lập bảng

(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 3 năm 2024

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số 2. 18 Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ

Đơn vị: Công ty TNHH VINA APLUS
Địa chỉ : Phố Cầu Huyện,Thị Trấn Thiên Tôn,Huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình

Số: 271

BẢNG TÍNH VÀ PHÂN BỐ KHẤU HAO TSCĐ
Tháng 4 năm 2024

STT	Chỉ tiêu	Thời gian sử dụng	Nơi sử dụng		TK 641 Chi phí bán hàng	TK 642 Chi phí quản lý Doanh nghiệp
			Toàn DN			
			Nguyên giá TSCĐ	Số khấu hao		
I	I. Số khấu hao trích tháng trước		5.160.000.000	21.708.333	6.458.333	15.250.000
II	II. Số KH TSCĐ tăng trong tháng					
1	Văn phòng	25	2.200.000.000	7.333.333		7.333.333
2	Máy tính	10	15.000.000	125.000	125.000	
III	III. Số KH TSCĐ giảm trong tháng					
IV	IV. Số KH trích tháng này (I+II-III)			29.166.666	6.583.333	22.583.333
	Cộng	x		29.166.666	6.583.333	22.583.333

Người lập bảng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 3 năm 2024
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2. 19 Sổ chi tiết sản xuất, kinh doanh

Đơn vị: Công ty TNHH VINA APLUS

Địa chỉ: Phố Cầu Huyện, Thị Trấn Thiên Tôn, Huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình

Mẫu số S36-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Sổ chi phí sản xuất, kinh doanh

Tên tài khoản: Chi phí bán hàng

Số hiệu : 641

Số nhập : 041

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Ghi Nợ Tài khoản ...							
	Số hiệu	Ngày, tháng			Tổng số tiền	Chia ra						
						Lương	Ăn ca	Các khoản trích theo lương	Tiền điện	Tiền nước	Tạm ứng	Khấu hao
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	8
												
31/3/2024	GBN 00298	31/3/2024	Thanh toán tiền điện	112	7.383.000				7.383.000			
31/3/2024	BPBTL 12	31/3/2024	Trả lương nhân viên tháng 3	334	15.872.000	15.872.000						
31/3/2024	BPBTL 12	31/3/2024	Trích các khoản theo lương	338	3.729.920			3.729.920				
			Khấu hao TSCĐ	214	6.583.333							6.583.333
			- Cộng số phát sinh trong kỳ		331.746.505	188.212.000		44.670.082	16.297.431			82.566.992
			- Ghi Có TK ...	911	331.746.505	188.212.000		44.670.082	16.297.431			82.566.992
			- Số dư cuối kỳ									

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...

Ngày mở sổ: từ ngày 1/1/2024

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 3 năm 2024

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2. 20 Sổ cái chi phí bán hàng

Đơn vị: Công ty TNHH VINA APLUS				Mẫu số S03b – DN				
Địa chỉ: Phố Cầu Huyện, Thị Trấn Thiên Tôn, huyện Hoa Lư, Ninh Bình				Ban hành theo TT200/2014/TT – BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính				
SỔ CÁI (Trích) (Dùng cho hình thức kế toán) Năm 2024 Tài khoản: Chi phí bán hàng Số hiệu: 641								
ĐVT : đồng								
NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật chung ký		Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
								
31/03	GBN 00298	31/03	Thanh toán tiền điện tháng 3			112	7.383.000	...
31/03	BPBTL 12	31/03	Tính lương nhân viên			334	15.872.000	
31/03	BPBTL 12	31/03	Trích các khoản theo lương			338	3.729.920	
31/03	BTPBKH 271	31/03	Khấu hao TSCĐ			214	6.583.333	
								
31/03	PKT 19	31/03	Kết chuyển chi phí bán hàng			911		50.746.505
			Tổng phát sinh				50.746.505	50.746.505
Sổ này có... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ... Ngày mở sổ: 01/01/2024								
Người ghi sổ (đã ký)			Kế toán trưởng (đã ký)			Ngày 31 tháng 3 năm 2024 Giám đốc (đã ký)		

2.2.2.3. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các khoản chi phí phát sinh trong kỳ liên quan đến quản lý doanh nghiệp bao gồm:

- + Chi phí nhân viên quản lý là chi phí tiền lương, các khoản trích theo lương cho bộ phận nhân viên quản lý
- + Chi phí công cụ dụng cụ dùng cho bộ phận quản lý
- + Chi phí dịch vụ mua ngoài: chi phí mua bảo hiểm máy móc thiết bị; phí ngân hàng

Các chứng từ sử dụng: Hóa đơn giá trị gia tăng; Phiếu chi; Giấy báo nợ; Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội; Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ; Các chứng từ khác có liên quan

Sổ sách sử dụng: sổ cái TK 642, sổ chi tiết TK 642, sổ nhật ký chung

Tài khoản sử dụng: TK 642

Trình tự kế toán: Căn cứ vào các chứng từ: Phiếu chi, bảng tổng hợp tiền lương cho nhân viên quản lý doanh nghiệp kế toán ghi nhận khoản chi phí liên quan đến hoạt động quản lý doanh nghiệp trên vào sổ chi tiết TK642, sổ nhật ký chung và sổ cái TK 642.

Trích dẫn: Ngày 5/3/2024, Công ty chi tiền tiếp khách theo hóa đơn GTGT 005882 số tiền 5.000.000 đồng, đã thanh toán bằng tiền mặt (thuế suất thuế VAT 8%).

-Định khoản:

Nợ TK 642: 5.000.000

Nợ TK 133: 400.000

Có TK 111: 5.400.000

Biểu số 2. 21 Hóa đơn giá trị gia tăng

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE) Ngày 05 tháng 03 năm 2024				Mẫu số (Form): 01GTKT0/002 Ký hiệu (Series): HC/58P Số (No): 005882		
Đơn vị bán hàng (Issued): Cửa hàng Vạn Phúc Mã số thuế (TAX code): 2700575857 Địa chỉ (Address): Vạn Xuân – Phường Nam Bình – TP. Ninh Bình Số Tài khoản (AC No): Điện thoại (Tel): 0303676666						
Họ tên người mua hàng (Customers name): Lê Tuệ Lâm Tên đơn vị (Comanys name): Công ty TNHH VINA APLUS Mã số thuế (TAX code): 2700875402 Địa chỉ (Address): Phố Cầu Huyện, Thị Trấn Thiên Tôn, Huyện Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam Số Tài khoản (AC No): Hình thức thanh toán (Payment method): Tiền mặt.						
ST T (No)	Tên hàng hoá, dịch vụ (Description)		Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B		C	1	2	3=1x2
1	Chi tiếp khách					5.000.000
Cộng tiền hàng (Total amount)					5.000.000	
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8 %		Tiền thuế GTGT (VAT amount)			400.000	
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment)					5.400.000	
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Năm triệu bốn trăm nghìn đồng chẵn.						
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)				Đơn vị bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		

Biểu số 2. 22 Trích Phiếu chi

Đơn vị : Công ty TNHH VINA APLUS

**Địa chỉ: Phố Cầu Huyện, Thị Trấn Thiên
Tôn, Huyện Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình, Việt
Nam**

Mẫu số 02 - TT

(Ban hành theo Thông tư số:
200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2024 của BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 05 tháng 03 năm 2024

Quyển số: 01

Số : 0040

Nợ : 642,133

Có : 111

Họ và tên người nhận tiền: Lê Tuệ Lâm

Địa chỉ: Phố Cầu Huyện, Thị Trấn Thiên Tôn, Huyện Hoa Lư, Tỉnh Ninh
Bình, Việt Nam

Lý do chi: Chi tiền tiếp khách

Số tiền: 5.400.000 (Viết bằng chữ): Năm triệu bốn trăm nghìn đồng.

Kèm theo 02 Chứng từ gốc: Giấy đề nghị thanh toán, HĐ GTGT số 005882

Ngày 05 tháng 03 năm 2024

Giám đốc	Kế toán	Thủ quỹ	Người lập phiếu	Người nhận tiền
(Ký, họ tên, đóng dấu)	trưởng (Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đơn vị: Công ty TNHH VINA APLUS

Mẫu số S03b – DN

Ban hành theo TT200/2014/TT – BTC

Địa chỉ: Phố Cầu Huyện, Thị trấn Thiên Tôn, Hoa Lư TP. Ninh Bình ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính

SỔ CÁI (Trích)

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2024

Tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp Số

hiệu: 642

ĐVT: đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
...	...	...	Số dư đầu kỳ	...	...	...	...	...
8/3	PC 0026	8/3	Chi tiếp khách			111	5.000.000	
31/3	GBN 00298	31/3	Thanh toán tiền điện			112	6.809.587	
31/3	BPBTL 12	31/3	Tính lương phải trả			334	12.440.000	
31/3	BPBTL 12	31/3	Trích các khoản theo lương			338	16.318.400	
31/3	BTPBKH 271	31/3	Khấu hao TSCĐ				22.583.333	
31/3	PKT 20	31/3	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp			911		63.151.320
			Cộng số phát sinh				63.151.320	63.151.320
			Số dư cuối kỳ					
			Cộng lũy kế từ đầu năm					

Sổ này có... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ... Ngày
mở sổ: 1/1/2024 đến 31/12/2024

Ngày 31 tháng 3 năm 2024

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu số 2. 23 Sổ cái Chi phí quản lý doanh nghiệp

Biểu số 2. 24 Nhật Ký Chung

Đơn vị: Công ty Vina Aplus

Địa chỉ: Phố Cầu Huyện- Thiên Tôn- Hoa Lư- Ninh Bình

Mẫu số S03a-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG (trích)

Năm: 2024

Đơn vị tính: Đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi Sổ Cái	STT dòng	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng					Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số trang trước chuyển sang					
5/03	PC040	5/03	Chi tiền tiếp khách			642	5.000.000	
						133	400.000	
						111		5.400.000
..	...	...				...		
31/03	GBN00298	31/03	Thanh toán tiền điện			641	7.383.000	
						642	6.809.587	
						133	1.135.407	
						112		15.327.994
31/03	BPBTL12	31/03	Tính lương phải trả công nhân viên			622	158.476.000	
						641	15.872.000	
						642	12.440.000	
						334		186.788.000
31/03	BPBTL12	31/03	Các khoản trích theo lương			622	37.241.860	
						641	3.729.920	
						642	16.318.400	
						334	40.856.760	
						338		98.146.940
31/03	BTPBKH271	31/03	Khấu hao TSCĐ			642	22.583.333	
						214		22.583.333
			...	X	X	X	889.262.628	889.262.628
			Cộng chuyển sang trang sau	x	x	x	889.262.628	889.262.628

- Sổ này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ: 01/01/2024.

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm ...
Người đại diện theo pháp luật
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.3. Kế toán xác định kết quả tiêu thụ

Kế toán doanh thu bán hàng theo dõi doanh thu của công ty, từng mặt hàng và từng nhóm hàng. Cung cấp thông tin, số liệu một cách chính xác cho kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết khác để xác định kết quả kinh doanh một cách chính xác nhất, đồng thời cung cấp cho các bộ phận khác để từ đó các bộ phận này sẽ kết hợp với thông tin của mình có biện pháp xử lý hoặc thay đổi chiến lược kinh doanh.

Tài khoản sử dụng : TK 911 – Xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Trình tự kế toán: Cuối kỳ sau khi đã kiểm tra số liệu khớp với số liệu đã ghi chép, căn cứ trên sổ chi tiết và sổ cái các TK 511, TK 632, TK 635, TK 641, TK 642, kế toán tổng hợp thực hiện các bút toán kết chuyển doanh thu, chi phí trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Tại công ty Các bút toán kết chuyển xác định kết quả kinh doanh được theo dõi chi tiết trên sổ chi tiết và sổ cái TK 911.

Các bút toán kết chuyển cuối kỳ năm 2024.

Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Nợ TK 511: 1.179.482.800

Có TK 911: 1.179.482.800

Kết chuyển giá vốn hàng bán

Nợ TK 911: 845.750.000

Có TK 632: 845.750.000

Kết chuyển chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Nợ TK 911: 113.897.825

Có TK 641: 50.746.505

Có TK 642: 63.151.320

Lợi nhuận trước thuế = 1.179.482.800 - 845.750.000 - 113.897.825
= 219.834.975

Thuế TNDN phải nộp = 219.834.975 x 20% = 43.966.995

Lợi nhuận sau thuế = 219.834.975 - 43.966.995 = 175.867.980

Chi phí thuế TNDN:

Nợ TK 8211: 43.966.995

Có TK 3334: 43.966.995

Kết chuyển chi phí TNDN

Nợ TK 911: 43.966.995

Có TK 8211: 43.966.995

Kết chuyển lãi trong kỳ

Nợ TK 911: 175.867.980

Có TK 421: 175.867.98

Biểu số 2. 25 Phiếu kế toán số 21

Đơn vị: Công ty Vina Aplus

Địa chỉ: Phố Cầu Huyện, Thiên Tôn, Hoa Lư, Ninh Bình

Liên số 1: Lưu

**PHIẾU KẾ
TOÁN
Số: 21**

Nội Dung	Số Tài khoản	Phát sinh Nợ	Phát Sinh Có
Kết chuyển doanh thu thuần	511	1.179.482.800	
	911		1.179.482.800
<i>Tổng Cộng</i>		1.179.482.800	1.179.482.800

Số tiền(Viết bằng chữ): Một tỷ một trăm bảy mươi chín triệu bốn trăm tám mươi hai nghìn tám trăm đồng/

Người lập phiếu

Ngày 31 tháng 03 năm 2024
Kế toán trưởng

Căn cứ vào số liệu trên sổ cái TK 632, TK 641, TK 642 kế toán tiến hành lập phiếu kế toán số 22 để kết chuyển chi phí.

Biểu số 2. 26 Phiếu kế toán số 22

Đơn vị: Công ty Vina Aplus

Địa chỉ: Phố Cầu Huyện, Thiên Tôn, Hoa Lư, Ninh Bình

Liên số 1: Lưu

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 22

Nội Dung	Số Tài khoản	Phát sinh Nợ	Phát Sinh Có
Kết chuyển giá vốn, CPBH, CP QLDN	911	959.647.825	
	632		845.750.000
	641		50.746.505
	642		63.151.320
Tổng Cộng		959.647.825	959.647.825

Số tiền(Viết bằng chữ):Chín trăm năm mươi chín triệu sáu trăm bốn mươi bảy nghìn tám trăm hai mươi lăm đồng

Người lập phiếu

Ngày 31 tháng 03 năm 2024

Kế toán trưởng

Căn cứ vào sổ cái TK 821 kế toán tiền hành lập phiếu kế toán số 23 phản ánh thuế TNDN phải nộp.

Biểu số 2. 27 Phiếu kế toán 23

Đơn vị: Công ty TNHH VINA APLUS		Số Phiếu Liên số 1: Lưu	
Địa chỉ: Phố Cầu Huyện, Thiên Tôn, Hoa Lư, Ninh Bình			
PHIẾU KẾ TOÁN Số: 23			
Nội Dung	Số Tài khoản	Phát sinh Nợ	Phát Sinh Có
Chi phí thuế TNDN	821	43.966.995	
	333(4)		43.966.995
Tổng Cộng		43.966.995	43.966.995
Số tiền(Viết bằng chữ): Bốn mươi ba triệu chín trăm sáu mươi sáu nghìn chín trăm chín mươi lăm đồng./			
Người lập phiếu		Ngày 31 tháng 03 năm 2024 Kế toán trưởng	

Căn cứ vào sổ cái TK 821 kế toán lập phiếu kế toán số 24 phản ánh việc kết chuyển chi phí thuế năm 2024.

Biểu số 2. 28 Phiếu kế toán 24

Đơn vị: Công ty Vina Aplus

Địa chỉ: Phố Cầu Huyện, Thiên Tôn, Hoa Lư, Ninh Bình

Số Phiếu

Liên số 1: Lưu

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 24

Nội Dung	Số Tài khoản	Phát sinh Nợ	Phát Sinh Có
Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	43.966.995	
	821		43.966.995
Tổng Cộng		43.966.995	43.966.995

Số tiền(Viết bằng chữ): Bốn mươi ba triệu chín trăm sáu mươi sáu nghìn chín trăm chín mươi lăm đồng

Người lập phiếu

Ngày 31 tháng 03 năm 2024

Kế toán trưởng

Căn cứ vào sổ cái TK 911 kế toán lập phiếu kế toán số 25 phản ánh kết chuyển lợi nhuận sau thuế.

Biểu số 2. 29 Phiếu kế toán

Đơn vị: Công ty Vina Aplus

Địa chỉ: Phố Cầu Huyện, Thiên Tôn, Hoa Lư, Ninh Bình

Số Phiếu

Liên số 1:

Lưu

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 25

Nội Dung	Số Tài khoản	Phát sinh Nợ	Phát Sinh Có
Kết chuyển lãi	911	175.867.980	
	421		175.867.980
Tổng Cộng		175.867.980	175.867.980

Số tiền(Viết bằng chữ): Một trăm bảy mươi lăm triệu tám trăm sáu mươi bảy nghìn chín trăm Tám mươi đồng.

Người lập phiếu

Ngày 31 tháng 03 năm 2024

Kế toán trưởng

Biểu số 2. 30 Sổ Nhật Ký Chung

Đơn vị: Công ty Vina Aplus

Địa chỉ: Phố Cầu Huyện- Thiên Tôn- Hoa Lư- Ninh Bình

Mẫu số S03a-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG (Trích)

Năm: 2024

Đơn vị tính: Đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi Sổ Cái	STT dòng	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng					Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số trang trước chuyển sang					
...	...	...	...	...	...	...	...	
31/3	PKT 21	31/3	Kết chuyển doanh thu thuần			511	1.179.482.800	
						911		1.179.482.800
31/3	PKT22	31/3	Kết chuyển giá vốn, CPBH, CP QLDN			911	959.647.825	
						632		845.750.000
						641		50.746.505
						642		63.151.320
31/3	PKT23	31/3	Chi phí thuế TNDN			821	43.966.995	
						3334		43.966.995
31/3	PKT 24	31/3	Kết chuyển thuế TNDN			911	43.966.995	
						821		43.996.995
31/3	PKT25	31/3	Kết chuyển lãi lỗ			911	175.867.980	
						421		175.867.980
				x	x	x	3.248.228.228	3.248.228.228
			Cộng chuyển sang trang sau	x	x	x	3.248.228.228	3.248.228.228

- Sổ này có 30 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 30

- Ngày mở sổ: 01/01/2024

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31. tháng 03. năm 2024.
Người đại diện theo pháp luật
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2. 31 Sổ cái Xác định kết quả kinh doanh

Đơn vị: Công ty Vina Aplus			Mẫu số S03b-DN			
Địa chỉ: Phố Cầu Huyện- Thiên Tôn- Hoa Lư			(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)			
SỔ CÁI						
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)						
Năm: 2024						
Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh						
Số hiệu: 911						
Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh trong kỳ			
31/03	PKT21	31/03	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511		1.179.482.800
31/03	PKT22	31/03	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	845.750.000	
31/3	PKT22	31/03	Kết chuyển chi phí bán hàng	641	50.746.505	
31/03	PKT22	31/03	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	642	63.151.320	
31/03	PKT24	31/03	Kết chuyển thuế TNDN	821	43.966.995	
31/3	PKT25	31/3	Kết chuyển lãi	421	175.867.980	
			Cộng số phát sinh		1.179.482.800	1.179.482.800
			Số dư cuối kỳ			

Sổ này có... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...

Ngày mở sổ: 01/01/2024

Ngày 31 tháng 03 năm 2024

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(đã ký)	(đã ký)	(đã ký)

Chương 3 - MỘT SỐ GIẢI PHÁP KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ TIÊU THỤ TẠI CÔNG TY TNHH VINA APLUS

3.1. Đánh giá thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH VINA APLUS

Công ty TNHH VINA APLUS từ khi thành lập, bên cạnh những thuận lợi cũng có những khó khăn. Bằng tất cả những nỗ lực của toàn thể Công ty đã khắc phục phần lớn khó khăn và đưa Công ty ngày một phát triển, khẳng định được vị thế của mình về cả chất lượng và số lượng, chiếm được sự tin tưởng của khách hàng. Tuy nhiên vẫn còn những mặt chưa được phù hợp. Với mong muốn hoàn thiện hơn tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí, và xác định kết quả kinh doanh của Công ty, em xin mạnh dạn đưa ra một số nhận xét của bản thân về tổ chức công tác kế toán của Công ty như sau:

3.1.1. Ưu điểm

Về cơ bản Công ty TNHH VINA APLUS đã chấp hành tốt nguyên tắc, chế độ chính sách của bộ Tài Chính ban hành, chấp hành và hoàn thành nghĩa vụ với Nhà Nước. Công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả tiêu thụ nói riêng tại Công ty đã cung cấp được những thông tin cần thiết cho lãnh đạo Công ty và các bộ phận quan tâm. Số liệu kế toán đã phản ánh đúng thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các nghiệp vụ phát sinh tại đơn vị được cập nhật một cách đầy đủ, kịp thời theo dõi đối tượng sử dụng, đây là cơ sở bảo đảm cho việc phát triển thị trường tiêu thụ, tăng cao lợi nhuận. Cụ thể:

Về mô hình tổ chức bộ máy kế toán:

✓ *Về hệ thống chứng từ và luân chuyển chứng từ:* Công ty sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định hiện hành, việc sử dụng hóa đơn điện tử giúp cho việc lưu trữ chứng từ thuận tiện hơn, tránh bị thất lạc trong quá trình gửi cho khách hàng.

Đồng thời việc xử lý chứng từ gọn lẹ, giúp giảm thời gian và công sức cho bộ phận kế toán của Công ty. Các chứng từ luôn có đầy đủ những thông tin cần thiết, đảm bảo tính hợp pháp, hợp lý và hợp lệ theo quy định của Bộ tài Chính là cơ sở để ghi sổ kế toán, để kiểm tra, thanh tra và xác minh nghiệp vụ. Quy trình lập và luân chuyển các chứng từ được tiến hành theo đúng quy định, đảm bảo sự kiểm soát của các bên và các cấp liên quan. Sau khi được sử dụng, hàng tháng chứng từ được tập hợp thành từng tập và được lưu trữ tại phòng kế toán.

✓ *Về hệ thống sổ sách kế toán:* Hệ thống sổ sách của Công ty bao gồm khá đầy đủ sổ chi tiết, sổ tổng hợp các tài khoản, mẫu sổ phù hợp với quy định hiện hành. Các sổ chi tiết được thiết kế phù hợp đã tạo điều kiện thuận lợi cho kế toán, các nhà quản lý công ty trong việc phân tích các hoạt động kinh tế. Số liệu sau khi được nhập sẽ tự động cập nhật vào hệ thống các sổ sách và báo cáo liên quan. Kế toán có thể in báo cáo cần thiết một cách nhanh chóng và chính xác theo yêu cầu của Ban lãnh đạo, phục vụ kịp thời cho việc ra các quyết định kinh tế tài chính.

✓ *Về thời điểm ghi nhận và điều kiện ghi nhận doanh thu, chi phí:* thời điểm ghi nhận doanh thu tại công ty ngay sau khi chuyển giao hàng hóa cho người mua. Công ty bán hàng có xuất hóa đơn, ghi nhận doanh thu, chi phí đảm bảo đúng nguyên tắc.

✓ *Về công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:* nhìn chung công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả tiêu thụ tại Công ty TNHH VINA APLUS được tổ chức một cách hợp lý, phù hợp với công tác quản lý hiện nay của doanh nghiệp. Mặc dù có nhiều nghiệp vụ kinh tế phát sinh nhưng việc hạch toán vẫn được hạch toán hợp lý, đầy đủ, kịp thời, chính xác vào chứng từ và sổ sách theo nguyên tắc kế toán nhà nước đã ban hành. Việc ghi nhận doanh thu của doanh nghiệp áp dụng đúng theo nguyên tắc ghi nhận doanh thu, chi phí cũng được theo dõi một cách có hệ thống nên tạo điều kiện thuận lợi cho việc xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Với những thành tựu đã đạt được trong thời gian qua đã phản ánh một cách trung thực nhất sự cố gắng, nỗ lực của toàn thể các bộ công nhân viên trong công ty.

3.1.2. Hạn chế

Tuy đã đạt được kết quả hết sức khả quan trong những năm qua nhưng trong quá trình kinh doanh và công tác kế toán của công ty cũng bộc lộ những khiếm khuyết nhất định. Những hạn chế này không lớn song khắc phục được thì Công ty sẽ đạt được hiệu quả kinh doanh cao hơn và lợi thế trong cạnh tranh đó là:

✓ *Về tình hình sử dụng máy tính và phần mềm kế toán*

Công ty đang áp dụng các công cụ văn phòng hỗ trợ như Word, Excel mang tính thủ công. Những công cụ này có lợi thế là dễ dàng kiểm tra sổ sách, nhưng tốn nhiều thời gian trong xử lý các thông tin nghiệp vụ, cập nhật thông tin nhiều khi chưa kịp thời. Công ty chưa vẫn chưa sử dụng phần mềm cho công tác kế toán: Ứng dụng của những thành tựu khoa học công nghệ giúp cho công tác kế toán nhanh chóng và chính xác hơn.

✓ *Về kế toán các khoản giảm trừ doanh thu*

Hiện tại công ty chỉ áp dụng một mức chiết khấu thương mại với mức chiết khấu 1% trên tổng giá bán chưa có thuế GTGT với đơn hàng có số lượng từ 2.000 sản phẩm/lần trở lên , điều này có thể làm hạn chế sự kích thích mua hàng của khách hàng.

✓ *Về kế toán các khoản chi phí*

Phân bổ chi phí không hợp lý: Một số chi phí cố định hoặc biến đổi còn phân bổ chưa chính xác, dẫn đến sự sai lệch trong việc xác định kết quả kinh doanh.

Kiểm soát chi phí không chặt chẽ: Công ty còn gặp khó khăn trong việc kiểm soát các khoản chi phí phát sinh, dẫn đến chi phí thực tế vượt quá dự kiến.

Tính minh bạch và theo dõi chi phí: Tại công ty thiếu tính minh bạch trong quy trình kế toán hoặc sự phức tạp trong việc theo dõi các khoản chi phí gián tiếp cũng có thể gây khó khăn trong quản lý.

✓ *Về kế toán quản trị*

Hiện nay Công ty chưa có kế toán quản trị riêng chỉ là nhân viên kế toán kiêm kế toán quản trị, thực chất Công ty chưa phân rõ chức năng kế toán quản trị cho phòng kế toán. Vì thế chưa phát huy được lợi ích của kế toán quản trị mang lại. Phòng kế toán chỉ đơn giản là cung cấp thông tin và kết quả kinh doanh của Công ty, chưa phân tích từ đó đưa ra phương án kinh doanh cho Công ty.

3.2. Một số giải pháp hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả tiêu thụ tại công ty TNHH VINA APLUS

Để đảm bảo sự hoàn thiện công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả tiêu thụ kinh doanh thì cần thực hiện các nguyên tắc sau:

- Hoàn thiện phải phù hợp với cơ cấu, tổ chức, quy mô sản xuất của doanh nghiệp, tuân thủ trên cơ sở tôn trọng các chế định tài chính, chế độ kế toán Việt Nam và các chuẩn mực kế toán Việt Nam.

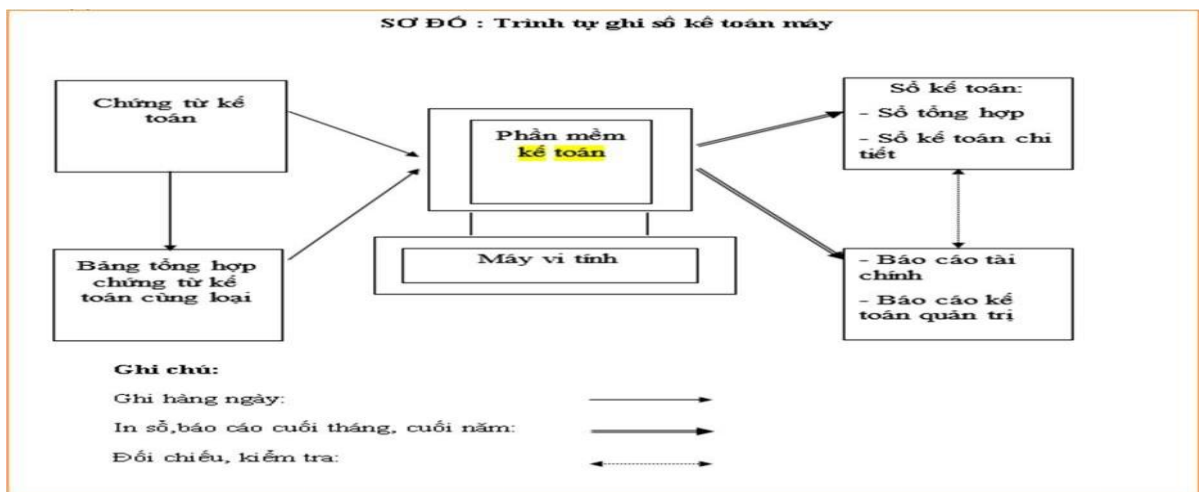
- Hoàn thiện phải đảm bảo được tính khách quan, đáp ứng được thông tin kịp thời, chính xác khi có yêu cầu và đảm bảo theo yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.

- Hoàn thiện nhằm đưa đến lợi ích, giá trị cho doanh nghiệp lâu dài, đưa ra những phương hướng, giải pháp hiệu quả và phải trên cơ sở tiết kiệm chi phí.

Qua quá trình hình thực tế tại công ty, chúng em đề xuất một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả tiêu thụ.

3.2.1. Vận dụng phần mềm kế toán

Công ty nên lựa chọn phần mềm kế toán phù hợp để thông tin kinh tế được cập nhật nhanh chóng, chính xác, đáp ứng kịp thời yêu cầu quản lý và nhu cầu sử dụng thông tin của người sử dụng.



Tổ chức công tác kế toán diễn ra một cách thuận lợi thì nhân viên kế toán không những có trình độ chuyên môn, hiểu được quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bên cạnh đó phải có kiến thức về công nghệ mới, áp dụng được khoa học công nghệ vào công việc.

Công ty nên áp dụng khoa học kỹ thuật vào công tác kế toán như việc sử dụng phần mềm kế toán. Hiện nay có rất nhiều phần mềm kế toán như phần mềm kế toán MISA, BRAVO, FAST. Công ty nên lựa chọn một phần mềm phù hợp với đặc điểm của Công ty. Việc áp dụng phần mềm kế toán để giảm bớt công việc của kế toán giúp cho kế toán có thể đưa ra các báo cáo nhanh chóng, chính xác nhất phục vụ cho công tác quản trị của ban giám đốc. Giúp ban giám đốc có thể đưa ra quyết định kinh doanh kịp thời tạo lợi thế cho doanh nghiệp trong kinh doanh.

Các phần mềm kế toán đều có chức năng lưu trữ các báo cáo với các mục đích khác nhau, theo dõi công nợ, thanh toán cho nhà cung cấp và quản lý bảng lương nhân viên,... giúp việc theo dõi, kiểm tra của nhà quản lý được thuận lợi và dễ dàng hơn.

Những lợi ích mang lại từ phần mềm kế toán:

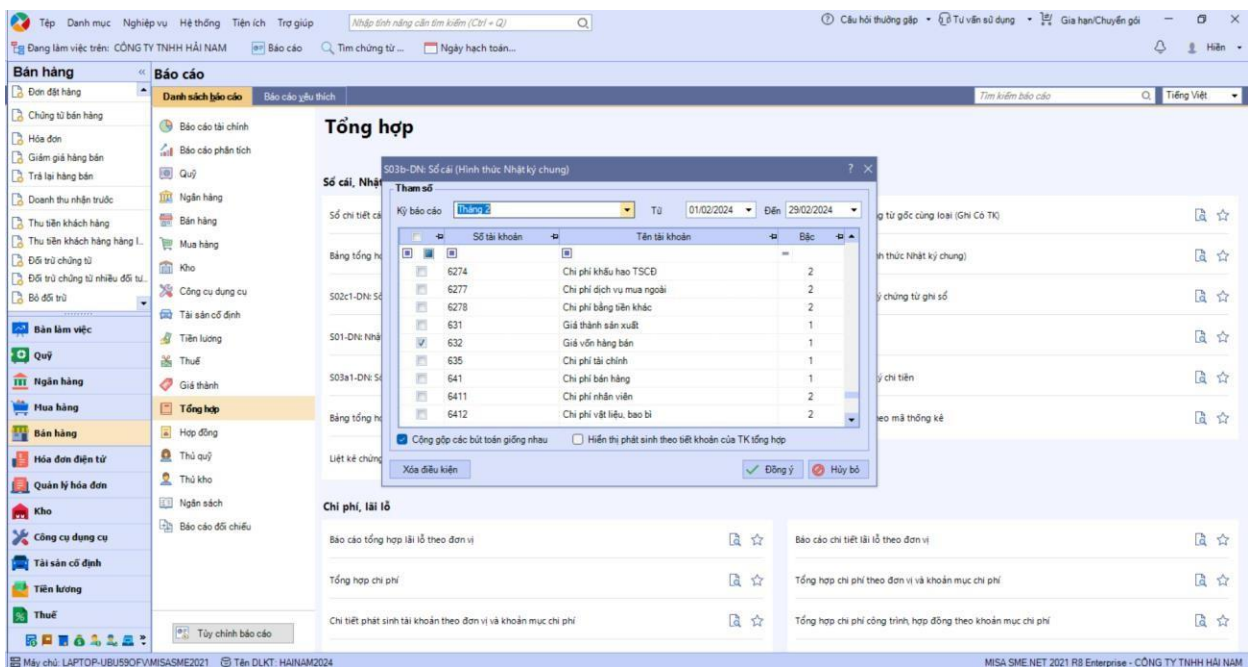
- Tiết kiệm thời gian
- Phân tích dữ liệu tài chính và tổng hợp rất chính xác
- Kiểm tra tốt tình hình tài chính công ty
- Tiết kiệm chi phí

- Tổng hợp, xử lý, và cung cấp báo cáo chính xác, kịp thời
- Tối ưu hóa quá trình quản lý kinh doanh
- Giảm mất mát dữ liệu, đảm bảo an toàn, bảo mật
- Giúp ban giám đốc ra quyết định chiến lược kinh doanh nhanh chóng, chính xác.

Ngoài ra, phần mềm kế toán còn hỗ trợ rất tốt cho các phòng ban như:

- Sổ sách kế toán
- Dịch vụ trả lương
- Thuế thu nhập
- Giải pháp kế toán được chứng nhận
- Kế toán tổng hợp và sổ sách kế toán
- Chuẩn bị các báo cáo tài chính
- Thu nợ
- Xử lý tiền mặt và hoạt động ngân hàng
- Thanh toán nợ

Ví dụ: Về phần mềm máy tính MISA



3.2.2. Về kế toán các khoản giảm trừ doanh thu:

Công ty nên lập nhiều mức chiết khấu để thúc đẩy bán hàng, ví dụ cụ thể như:

Chiết khấu 1% đối với khách mua hàng với số lượng trên 2.000 chiếc của từng mặt hàng (áp dụng với tất cả các loại quần áo)

Chiết khấu 2% đối với khách mua hàng với số lượng trên 2.500 chiếc của từng mặt hàng (áp dụng với tất cả các loại quần áo)

Chiết khấu 3% đối với khách mua hàng với số lượng trên 3.500 chiếc của từng mặt hàng (áp dụng với tất cả các loại quần áo)

3.2.3. Về kế toán các khoản chi phí

Nâng cấp hệ thống kế toán: Đầu tư vào các phần mềm kế toán hiện đại để tăng cường khả năng ghi nhận và theo dõi chi phí.

Đào tạo nhân viên: Tăng cường kiến thức và kỹ năng của nhân viên kế toán để đảm bảo họ hiểu rõ và thực hiện đúng quy trình ghi nhận chi phí.

Kiểm soát nội bộ tốt hơn: Xây dựng quy trình kiểm soát nội bộ chặt chẽ để giảm thiểu sai sót và thất thoát chi phí.

3.3.4. Về tổ chức kế toán quản trị

Để đáp ứng nhu cầu thông tin cho các nhà quản trị về tình hình tài chính của Công ty, Công ty nên có sự chuyên biệt giữa kế toán quản trị và kế toán tài chính nhằm phân tích kịp thời, chính xác khách quan về tình hình tài chính và khả năng thanh toán của Công ty. Từ đó các nhà quản trị mới có được biện pháp kịp thời, sáng suốt trong việc đưa ra các quyết định đầu tư, kinh doanh. Việc xây dựng mô hình kế toán quản trị đối với đơn vị kinh doanh là một yêu cầu tất yếu và khách quan. Công ty cần thiết lập hệ thống kế toán quản trị, tổ chức nhân viên kế toán quản trị, đồng thời tạo mối liên hệ chặt chẽ giữa kế toán quản trị và kế toán tài chính, để kế toán quản trị thực hiện đúng vai trò và chức năng của mình.

3.3. Kiến nghị giải pháp

3.3.1. Kiến nghị về phía nhà nước và cơ quan chức năng

Để thực hiện các giải pháp hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả tiêu thụ tại Công ty TNHH VINA APLUS đòi hỏi phải có các điều kiện và biện pháp cụ thể từ phía Nhà nước và các cơ quan chức năng.

➤ **Về công tác quản lý:**

Ổn định chính sách kinh tế vĩ mô như chính sách tài khóa, tín dụng.

Nhà nước nên xem xét các quy định quản lý tài chính về chi phí, doanh thu, loại bỏ những quy định quá cụ thể mang tính bắt buộc gây khó khăn, phức tạp cho các doanh nghiệp. Các quy định quản lý nên đơn giản, dễ hiểu, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp. Đặc biệt, trong tình hình kinh tế khó khăn như hiện nay các doanh nghiệp gặp phải rất nhiều khó khăn. Nhà nước nên có chính sách ưu đãi về thuế, giảm thuế, thu nhập doanh nghiệp,... để hỗ trợ các doanh nghiệp nói chung và Công ty TNHH Vina Aplus nói riêng để các doanh nghiệp phát triển hơn nữa thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế đất nước.

Nhà nước cần tiếp tục xây dựng và hoàn thiện khuôn khổ pháp lý kế toán đồng bộ, thống nhất, hoàn thiện luật kế toán, nghị định hướng dẫn luật và việc ban hành chuẩn mực kế toán trên cơ sở đảm bảo tính đồng bộ, khả thi và thống nhất

Nhà nước cần hoàn thiện cơ chế tài chính một cách đồng bộ, tạo hành lang pháp lý thông thoáng để các doanh nghiệp hoạt động, nâng cao năng lực cạnh tranh trong quá trình hội nhập sâu rộng.

Nhà nước nên khuyến khích phát triển và tăng cường các hoạt động dịch vụ tư vấn tài chính kế toán trong nền kinh tế thị trường. Hình thức hệ thống tổ chức các công ty kế toán, văn phòng, trung tâm, dịch vụ tư vấn tài chính kế toán khắp cả nước.

Xúc tiến việc đào tạo đội ngũ chuyên gia kế toán có trình độ cao, đủ sức đáp ứng mọi nhu cầu quản lý trong lĩnh vực kế toán. Tạo môi trường thuận lợi để cán bộ kế toán trao đổi nghề nghiệp nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đồng thời là cầu nối để kế toán Việt Nam dần hội nhập với khu vực và trên thế giới.

Cơ quan thuế là một trong những cơ quan trực tiếp quản lý các doanh nghiệp, thường xuyên tiếp xúc với các doanh nghiệp nên thường xuyên tổ chức các buổi hướng dẫn, thông báo các chính sách, quy định tài chính, quy định về thuế mới để các doanh nghiệp cập nhật thường xuyên thông tin mới để thực hiện tốt. Có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp để doanh nghiệp hoàn thiện và phát triển tổ chức kế toán

Xây dựng hệ thống pháp luật đầy đủ, rõ ràng và có tính bắt buộc cao.

➤ **Về kế toán:**

Nhà nước tiếp tục xây dựng và hoàn thiện môi trường pháp lý về kế toán đồng bộ, thống nhất. Luật kế toán, chế độ kế toán và chuẩn mực kế toán đã được ban hành khá đầy đủ nhưng có một số nội dung quy định chưa thực sự đảm bảo tính thống nhất, logic với nhau trong một chuẩn mực hay giữa các chuẩn mực với nhau. Vì vậy, để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất trong hạch toán và tính khả thi trong việc áp dụng các chuẩn mực kế toán thì một mặt phải tiếp tục xây dựng hệ thống kế toán, mặt khác phải không ngừng hoàn thiện hệ thống này để đáp ứng ngày càng cao việc thu thập, phản ánh, xử lý, cung cấp thông tin từ thực tiễn hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Tiếp tục cải cách và phát triển các tổ chức nghề nghiệp trong lĩnh vực kế toán như:

Hội đồng quốc gia kế toán, Hội kế toán và kiểm toán Việt Nam.

Khuyến khích và tăng cường các hoạt động tư vấn tài chính kế toán kiểm toán.

Tăng cường đào tạo đội ngũ chuyên gia kế toán có trình độ cao, đáp ứng mọi nhu cầu trong lĩnh vực kế toán.

3.3.2. Kiến nghị đối với Công ty TNHH VINA PLUS

Bất cứ doanh nghiệp nào thì yếu tố con người cũng là một trong những yếu tố quan trọng nhất, quyết định sự tồn tại và phát triển bền vững của doanh nghiệp. Để công ty đạt được hiệu quả kinh doanh tốt, có tốc độ tăng trưởng mạnh và khẳng định vị thế của mình thì đòi hỏi công ty phải có đội ngũ lao động có năng lực, trình độ chuyên môn và có đạo đức để hoàn thành tốt công việc được giao, trong đó bao gồm nhân viên phòng kế toán. Do đặc thù công việc kế toán là đòi hỏi độ chính xác cao, sự tỉ mỉ, chi tiết các sai sót không được phép xảy ra, công việc kế toán ngày càng đòi hỏi sự chuyên sâu trong từng phần hành, bất kỳ một nhân viên kế toán nào cũng cần thường xuyên nỗ lực trau dồi nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ.

Chính vì thế công ty nên quan tâm đến việc bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp cho nhân viên kế toán.

Phòng kế toán nên xem xét lại các quy định quản lý tài chính về doanh thu để tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các quy định cho phù hợp với tình hình kinh doanh thực tế của công ty nhằm nâng cao lợi nhuận kinh tế. Phòng kế toán nên xây dựng hệ thống kiểm soát các quy trình làm việc thực tế nhằm nâng cao hiệu quả công việc kế toán.

Phòng kế toán nên tổ chức nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện hệ thống kế toán quản trị để giúp ban giám đốc có thêm nhiều thông tin hữu ích để ra các quyết định hoạt động kinh doanh đúng hướng giúp công ty phát triển ngày càng vững mạnh.

Công ty phải có khả năng tài chính và phải đầu tư trang thiết bị, máy móc khoa học công nghệ vụ công tác kế toán.

Phân công trách nhiệm giữa các cán bộ nhân viên kế toán một cách hợp lý, đồng thời xác định mối quan hệ giữa các kế toán cùng phần hành với nhau trong việc sử dụng chứng từ, hoàn chuyển chứng từ cung cấp số liệu đối chiếu kiểm tra.

Doanh nghiệp cần tạo lập mối quan hệ chặt chẽ với khách hàng đây là yếu tố quyết định việc bình ổn doanh thu của doanh nghiệp.

Ban lãnh đạo phải kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ công tác kế toán. Bên cạnh đó đội ngũ cán bộ kế toán phải là người có trách nhiệm, có đạo đức nghề nghiệp.

Công ty phải có khả năng tài chính và phải đầu tư trang thiết bị, máy móc khoa học công nghệ vụ công tác kế toán.

Phân công trách nhiệm giữa các cán bộ nhân viên kế toán một cách hợp lý, đồng thời xác định mối quan hệ giữa các kế toán cùng phần hành với nhau trong việc sử dụng chứng từ, hoàn chuyển chứng từ cung cấp số liệu đối chiếu kiểm tra.

Doanh nghiệp cần tạo lập mối quan hệ chặt chẽ với khách hàng đây là yếu tố quyết định việc bình ổn doanh thu của doanh nghiệp.

KẾT LUẬN

Xu thế hội nhập mở ra một thị trường rộng lớn cùng với nhiều cơ hội mà các Công ty có thể nắm bắt để xây dựng và phát triển doanh nghiệp, đồng thời các Công ty cũng phải đối mặt với môi trường cạnh tranh rộng rãi hơn gay gắt hơn. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả tiêu thụ là một nhân tố đóng vai trò quan trọng, quyết định sự tồn tại và phát triển của các Công ty sản xuất. Với chức năng cung cấp thông tin và kiểm tra, kiểm soát của doanh nghiệp, phần hành kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả tiêu thụ thực sự là một công cụ đắc lực trong việc phản ánh giám sát tình hình biến động của hàng hóa và quá trình sản xuất trong doanh nghiệp.

Qua quá trình nghiên cứu tại Công ty TNHH VINA APLUS em đã được tìm hiểu về đặc điểm kinh doanh, tổ chức bộ máy quản lý, chức năng nhiệm vụ của các phòng ban, đặc điểm tổ chức hệ thống kinh doanh, cũng như bộ máy kế toán, đặc điểm vận dụng chế độ kế toán chung của đơn vị và nội dung tổ chức một số phần hành kế toán của đơn vị. Đặc biệt em được hiểu sâu về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả tiêu thụ để sau khi ra trường có thể làm tốt các nhiệm vụ được giao, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của nền kinh tế thị trường. Từ đó mạnh dạn đề xuất một số ý kiến đóng góp cho công tác hạch kế toán tại công ty góp phần hoàn thiện hơn nữa công tác này. Tuy nhiên vì điều kiện thời gian cũng như kiến thức còn hạn chế thiếu kinh nghiệm nên nghiên cứu khoa học của em không thể tránh khỏi hạn chế thiếu sót. Em rất mong nhận được ý kiến đóng góp của thầy giáo cô giáo và cán bộ phòng kế toán của Công ty để bài nghiên cứu của em được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng em xin chân thành cảm ơn sự tận tình giúp đỡ của cô Lê Thị Uyên khoa Kinh tế cùng toàn thể cán bộ phòng tài chính kế toán Công ty TNHH VINA APLUS đã giúp đỡ em hoàn thành nghiên cứu khoa học này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên thực hiện

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Thị Loan (2016), Kế toán tài chính trong các doanh nghiệp, Nxb Tài chính, Hà Nội.
2. Bộ Tài Chính (2015), Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 1) - Hệ thống tài khoản kế toán, NXB Giao thông vận tải.
3. Bộ Tài Chính (2015), Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 2) – Báo cáo tài chính, chứng từ và sổ sách kế toán, sơ đồ kế toán, NXB Giao thông vận tải.
4. TS. Phan Đức Dũng (2011), Nguyên lý kế toán, NXB Lao động xã hội.
5. Tác giả Vũ Thị Thương (2020) – Trường đại học Hoa Lư với đề tài: *“Thực trạng và giải pháp hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại công ty TNHH Tân Hoàng Hải NB”* .
6. Tác giả Lã Hữu Đức (2021) – Trường đại học Hoa Lư với đề tài: *“Thực trạng kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại công ty TNHH TM&DV Đại Phát”*
7. Tác giả Vũ Thị Hằng (2022) – Trường đại học Hoa Lư với đề tài: *“Hoàn thiện kế toán quản trị chi phí, doanh thu và xác định kết quả bán hàng tại công ty TNHH TM&DV Đại Phát”* .